**Kính gửi thầy cô bài 8- bộ KNTT lớp 8 (Bài 9 sẽ gửi vào đợt cuối ạ)**

**Mong thầy cô nhận tài liệu luôn thực hiện đúng với cam kết bảo mật tài liệu. Trân trọng!**

**BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

**Tiết theo PPCT:99-100-101**

**VĂN BẢN 1: NHÀ THƠ CỦA QUÊ HƯƠNG LÀNG CẢNH VIỆT NAM**

**(Trích, Xuân Diệu)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học).

- HS nhận biết được luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản nghị luận.

- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của tác giả, từ đó rút ra cho bản thân những bài học hữu ích trong việc viết bài văn nghị luận văn học nói riêng và tạo lập văn bản nói chung.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác.

**3. Kiến thức**

- Khái niệm của văn bản nghị luận văn học; luận đề, luận điểm; lí lẽ; bằng chứng.

- Thấy được Nguyễn Khuyến chính là nhà thơ làng cảnh Việt Nam. Sự giản dị và lối sống thanh cao của ông cũng phần nào thấm nhuần vào những câu thơ mang màu sắc của nông thôn.

- Nghệ thuật: Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề hợp lí; cách tổ chức luận điểm chặt chẽ; sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục; ngôn ngữ giàu hình ảnh, chọn lọc từ ngữ tinh tế; giọng văn linh hoạt, khi thì giảng giải, cắt nghĩa tỉ mỉ, lúc lại tưởng tượng, liên tưởng bay bổng, có khi mang tính đối thoại, tranh biện, có khi lại say sưa, chân thành, tràn đầy tình cảm và niềm tự hào với di sản văn học của dân tộc.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT;

- PHT số 1,2,3,4,5;

- Tranh ảnh;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi .

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Cách 1:  *Em biết những tác phẩm văn học nào viết về mùa thu? Chia sẻ với các bạn về vẻ đẹp của mùa thu trong một tác phẩm mà em yêu thích.*  *Cách 2: Hình ảnh sau gợi đến mùa nào trong năm. Chia sẻ ấn tượng của em về mùa đó. Em hãy kể tên một số bài thơ, bài hát viết mùa được gợi ra từ hình ảnh.*  Sang Thu là bức tranh thiên nhiên mùa thu sống động mà Hữu Thỉnh cảm nhận  được qua tâm hồn thi sĩ tinh tế. Từng sự thay đổi nhỏ của … |  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở.  - HS suy nghĩ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày ý kiến, hs khác bổ sung, nhận xét (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Mùa thu luôn mang đến cho thi nhân nhiều xúc cảm nhất. Tác giả Nguyễn Khuyến cũng có những cách cảm nhận của riêng mình khi viết về mùa thu, từ đó viết nên chùm thơ thu tuyệt bút, chùm thơ thu ấy đã được nhà thơ Xuân Diệu cảm nhận hết sức tinh tế trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam” mà chúng ta sẽ được học trong ngày hôm nay. | Gợi ý: Những tác phẩm văn học viết về mùa thu: Đây mùa thu tới (Xuân Diệu), Sang Thu (Hữu Thỉnh), Tiếng thu (Lưu Trọng Lư),...  - Vẻ đẹp mùa thu trong bài Sang thu: Thời khắc “Sang thu” trong bài thơ của Hữu Thỉnh mang một vẻ đẹp tinh tế, trong sáng và dịu nhẹ. Đó là mùa thu của những rung động hồn nhiên, giản dị trong tâm hồn một người thơ đã “đứng tuổi”. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Hoạt động khám phá tri thức Ngữ văn.**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết khái niệm của văn bản nghị luận văn học; luận đề, luận điểm; lí lẽ; bằng chứng.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Hs thảo luận nhóm đôi theo PHT số 1 để tìm hiểu tri thức Ngữ văn.*   |  |  | | --- | --- | | **Yếu tố** | **Khái niệm/ đặc điểm** | | *Văn bản nghị luận văn học* |  | | *Luận đề* |  | | *Luận điểm* |  | | *Lí lẽ* |  | | *Bằng chứng* |  |     **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân.  - GV quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Khám phá tri thức Ngữ văn**  - Văn bản nghị luận văn học là loại văn bản nghị luận trong đó người viết trình bày tỏ quan điểm, đánh giá của mình về một vấn đề thuộc lĩnh vực văn học (tác phẩm, tác giả, thể loại,...). Văn bản nghị luận văn học cần có luận đề, luận điểm rõ ràng; lí lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục và được tổ chức một cách hợp lí.  - Luận đề, luận điểm, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học  + Luận đề trong văn bản nghị luận văn học là vấn đề chính (về tác phẩm, tác giả, thể loại,...) được bàn luận trong văn bản, thường thể hiện ở nhan đề, phần mở đầu hoặc được suy luận từ toàn bộ văn bản.  + Luận điểm trong văn bản nghị luận văn học là những ý chính được triển khai nhằm cụ thể hoá luận để, dựa trên đặc điểm của đối tượng được bàn luận. Chẳng hạn, nếu đối tượng được bàn luận là một tác phẩm văn học thì hệ thống luận điểm có thể được triển khai dựa trên các đặc điểm nội dung và nghệ thuật của tác phẩm đó.  + Lí lẽ trong văn bản nghị luận văn học là những điều được nêu ra một cách có căn cứ, hợp lô-gíc để làm rõ tính đúng đắn của luận điểm. Lí lẽ có thể đan xen yếu tố biểu cảm, nhưng cần chặt chẽ, khúc chiết, sắc bén, tránh dài dòng và cảm tính.  + Bằng chứng trong văn bản nghị luận văn học là những câu văn, đoạn văn, dòng thơ, chi tiết, hình ảnh,...được dẫn từ tác phẩm văn học; hoặc những tài liệu, trích dẫn liên quan đến tác phẩm, tác giả, thể loại.... được dùng để làm sáng tỏ luận điểm. |

**2. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Gv hướng dẫn cách đọc.*  *+ Hs chú ý trả lời các thẻ chiến lược đọc theo PHT số 2.*    *+ Hs báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm (đã được phân công từ trước, mỗi tổ sẽ báo cáo về một tác giả bằng các hình thức khác nhau, hs gửi sản phẩm vào nhóm lớp trước khi bắt đầu tiết học) (Hs hoàn thành theo PHT số 3).*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân/nhóm.  - GV quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm .  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - Hs đọc to, rõ ràng, phù hợp với tốc độ đọc.  - GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc (PHT số 2, phụ lục).  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả.**  - Xuân Diệu (1916-1985) quê ở Hà Tĩnh, là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam  - Thơ ông nồng nàn, sôi nổi, thể hiện tấm lòng yêu đời, ham sống thiết tha. Bên cạnh thơ ca, ông còn viết nhiều tiểu luận phê bình văn học  - Một số tác phẩm tiêu biểu: Thơ thơ (1938), Gửi hương cho gió (1945), Phê bình giới thiệu thơ (1960), ...  **b. Tác phẩm**  - Xuất xứ:Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam được trích trong Các nhà thơ cổ điển Việt Nam, tập II, NXB Văn học, Hà Nội.  - Phương thức biểu đạt chính: nghị luận.  - Bố cục.  + Phần 1 (từ đầu đến “Thu điến, Thu ẩm, Thu vịnh. […]”): Giới thiệu Nguyễn Khuyến và 3 bài thơ nức danh  + Phần 2 (tiếp đến “nghệ thuật ngôn ngữ”): Nét đặc sắc của ba bài thơ  + Phần 3 (còn lại): Đánh giá chung về ba bài thơ. |

**3. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được luận đề và hệ thống luận điểm của văn bản nghị luận.

- Với mỗi luận điểm, HS xác định được lí lẽ và bằng chứng tiêu biểu, vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.

- HS hiểu được những nét đặc sắc trong cách viết của tác giả, từ đó rút ra cho bản thân những bài học hữu ích trong việc viết bài văn nghị luận văn học nói riêng và tạo lập văn bản nói chung

-Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về điểm chung của ba bài thơ thu**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Tác giả bài nghị luận đã chỉ ra đặc điểm gì chung ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến? (Hs thảo luận nhóm đôi).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận.**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: GV so sánh với một số bài thơ khác viết về mùa thu trong văn học cổ. Thơ xưa khi viết về mùa thu thường sử dụng những hình ảnh ước lệ, tượng trưng, nhiều khi những hình ảnh ấy không điển hình cho mùa thu Việt Nam, như “*Ngô đồng nhất diệp lạc/ Thiên hạ cộng trị thu”*  (Ngô Chi Lan) hay *“Rừng phong thu đã nhuốm màu quan san”* (Nguyễn Du). Trong khi đó Nguyễn Khuyến lại viết về mùa thu với những hình ảnh đặc trưng của đồng bằng xứ Bắc khiến mùa thu hiện lên *“có thật”, “rất sống”* chứ không mang tính sách vở từ chương. Đây là điểm chung trong ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến, đồng thời, cũng là điểm khác biệt giữa chúng với nhiều bài thơ thu của các tác giả khác trong văn học cổ. | **III. Khám phá văn bản**  **1. Điểm chung của ba bài thơ thu**  - Điểm chung của ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến:*“hay và điển hình nhất cho mùa thu của Việt Nam, ở miền Bắc nước ta”,* *“không theo ước lệ như ở trong văn chương sách vở.*  *+* Ở bài *Thu ẩm*, tác giả chỉ ra mùa thu hiện lên trong vẻ đẹp bình dân, hiện thực - *nhà cỏ thấp le te.* Các câu 2, 3, 4, 5 được tác giả nhận xét là *“rất hay”, “hay trong cái thực của nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.*  + Ở bài *Thu vịnh*, tác giả phân tích: Nguyễn Khuyến đã gợi lên được cái thần của mùa thu với trời xanh, cây tre Việt Nam, cái bâng khuâng về không gian, sự man mác của thể gian và những trăn trở của ông về vòng danh lợi, lẽ xuất xử hành tàng.  + Ở bài *Thu điếu*, tác giả khẳng định *“điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ)”.* |
| **NV2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về luận đề và hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Gv tổ chức thảo luận nhóm. Gv chia lớp thành 4 nhóm  + Nhóm 1: PHT số 4:   |  | | --- | | *Văn bản Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam bàn luận về vấn đề gì?*  *................................................................................................................................................................................................ Những yếu tố nào giúp em nhận ra điều đó?*  *................................................................................................................................................................................................* |   *+ Nhóm 2,3,4 thảo luận để hoàn thành PHT số 5 (Nhóm 2 làm bài thơ Thu ẩm, nhóm 3 bài thơ Thu vịnh, nhóm 4 bài thơ Thu điếu)*  *+ Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà Xuân Diệu sử dụng có vai trò như thế nào trong việc thể hiện luận đề?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Luận đề và hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng**  **a. Luận đề**  - Luận đề: Vẻ đẹp của làng quê Việt Nam trong ba bài thơ thu của tác giả Nguyễn Khuyến.  - Có thể xác định được luận đề này là do:  + Nhan đề văn bản đã trực tiếp thể hiện luận đề trên, hé lộ cho người đọc biết văn bản viết về những vần thơ của làng quê Việt Nam của Nguyễn Khuyến.  + Nội dung văn bản: đi sâu vào khám phá những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong ba bài thơ thu của ông.  **b. Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng**  Mỗi bài thơ thu đều có nét đẹp riêng:  \* Thu ẩm.  - Luận điểm: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp của mùa thu ở nhiều thời điểm, sự khái quát về cảnh thu  - Lí lẽ:  + Nếu chỉ nói cảnh một đêm thu có trăng, thì bài thơ tù túng và thiếu lô-gíc.  + Ngõ tối đêm sâu mâu thuẫn với Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.  + Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt thì không hợp, không điển hình với một đêm có trăng.  + Khói bếp nhà ai đã nấu cơm chiều.  + Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt là trời của một buổi chiều.  - Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài Thu ẩm và hai câu thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến.  \* Thu vịnh.  - Luận điểm: Bài thơ mang cái hồn, cái thần của một bài thơ hơn cả: vẻ thanh – trong – nhẹ và cao.  - Lí lẽ:  + Cái hồn, cái thần của cảnh thu là nằm ở bầu trời  + Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái gợi cái bâng khuâng man mác về thời gian.  + Nước biếc trông như tầng khói phủ  bay bổng nhẹ nhàng mơ hồ hư thực.  - Bằng chứng: Các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài Thu vịnh.  \* Thu điếu:  - Luận điểm: Bài thơ điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (Bắc Bộ).  - Lí lẽ:  + Bình Lục là vùng đất nhiều ao.  + Ao nhỏ, thuyến theo đó cũng bé tẻo teo, sóng biếc rất nhẹ, lá vàng rụng theo gió.  + Không gian “nhìn lên: trời thu xanh cao đám mây đọng lơ lửng trồng quanh: lối đi trong làng hai bên tre biếc mọc sầm uất...."  + Nhấn mạnh cái thú vị của Thu điếu là ở "các điệu xanh", ở “những cử động", "ở các vẫn thơ".  - Bằng chứng: các hình ảnh, câu thơ được dẫn ra từ bài Thu điếu.  **c. Vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.**  - Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng về nét chung, vẻ đẹp riêng của ba bài thơ thu là sự cụ thể hoá luận đề về vẻ đẹp của làng cảnh Việt Nam trong the Nguyễn Khuyến.  🡪 Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài đều tập trung hướng đến làm sáng tỏ luận đề. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cách nêu bằng chứng trong văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: *Tác giả đã sử dụng những cách nêu bằng chứng nào? Em có nhận xét gì về cách phân tích bằng chứng của tác giả? (Hs thảo luận theo kĩ thuật Khăn trải bàn).*  Thảo luận – Khăn trải bàn – Reading Habit  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Cách nêu bằng chứng trong văn bản**  - Cách nêu bằng chứng: Trong VB nghị luận này, tác giả sử dụng linh hoạt nhiều cách thức khác nhau:  + Trích dẫn nguyên văn bài thơ, câu thơ, cụm từ.  + Dẫn gián tiếp ý thơ.  + Dẫn các hình ảnh thơ.  - Cách phân tích bằng chứng của tác giả:  + Phân tích cụ thể, chi tiết; chú trọng cắt nghĩa, lí giải (ví dụ: từ *Không còn những ước lệ văn hoa* đến *vừa tấm lưng giậu*, trong đoạn này, tác giả chứng minh Thu ẩm là bài thơ được viết trong nhiều thời điểm, là sự khái quát về cảnh thu. Mỗi bằng chứng đưa ra đều làm sáng tỏ luận điểm này. Với mỗi bằng chứng, tác giả đếu phân tích cụ thể, chi tiết, giải thích rõ ràng.)  + Phân tích bám sát ngôn ngữ VB: Tác giả đã bám sát VB để phân tích. Mọi diễn giải, suy luận, giảng bình đều dựa trên cơ sở VB chứ không rơi vào bình tán. (ví dụ: các đoạn phân tích câu thơ "Làn ao lóng lánh bóng trăng loe” hoặc đoạn phân tích hai câu "Sóng biếc theo làn hơi gợn tí/ Lá vàng trước gió sẽ đưa vèo".  + Phân tích gần với tưởng tượng, liên tưởng: Trong VB nghị luận này, bằng sự liên tưởng, tưởng tượng tinh tế của một nhà thơ, không ít lần Xuân Diệu đã phân tích cho người đọc hiểu được vẻ đẹp của hình ảnh thơ. (Ví dụ đoạn phân tích câu thơ “Nước biếc trông như tắng khỏi phủ” trong bài Thu ẩm (Trên mặt nước ao... vừa tấm lưng giậu, trang 62), đoạn phân tích câu thơ “Cấn trúc lơ phơ gió hắt hiu” trong Thu vịnh (Trời thu rất xanh rất cao... hồn thu, trang 63), đoạn phân tích các câu: "Ao thu lạnh lẽo nước trong veo... Ngô trúc quanh co khách vắng teo" trong Thu điếu (Nhiều ao cho nên ao nhỏ... vắng teo, trang 64),...  + Phân tích gắn với so sánh, liên hệ: Trong VB, khi phân tích bằng chứng, tác giả đã liên hệ đến những câu thơ khác để tăng tính thuyết phục cho lí lẽ của mình. Ví dụ, Xuân Diệu đã liên hệ hai câu thơ của Nguyễn Khuyến: "Chồi liễu rủ lá xanh, có ánh mặt trời xuyên qua/ Giậu tre um màu biếc, làn khói chiều bao phủ” để củng cố, làm tăng tính thuyết phục cho lí giải của mình về câu thơ “Nước biếc trông như tắng khói phủ”. Tác giả cũng liên hệ câu thơ “Trời muôn trượng thầm làu làu sạch” từ thời Lê Hồng Độ khi phân tích bằng chứng về sự trong sáng, nhẹ nhôm, tự nhiên của ngôn ngữ Nguyễn Khuyến.  🡪 Có thể nói, cách phân tích bằng chứng trong VB rất thuyết phục, sắc bén. |
| **NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu nghệ thuật nghị luận của văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  Hs thảo luận nhóm đôi theo PHT số 6.   |  |  | | --- | --- | | **Những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết văn nghị luận của Xuân Diệu** | | | Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề | ............................................................ | | Cách tổ chức luận điểm | ............................................................ | | Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng | ............................................................ | | Ngôn ngữ | ............................................................ | | Lời văn, giọng văn | ............................................................ |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **5. Nghệ thuật nghị luận của văn bản**   |  |  | | --- | --- | | **Những nét đặc sắc trong nghệ thuật viết văn nghị luận của Xuân Diệu** | | | Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề | Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề hợp lí. | | Cách tổ chức luận điểm | Cách tổ chức luận điểm chặt chẽ. | | Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng | Sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục. | | Ngôn ngữ | Ngôn ngữ giàu hình ảnh, chọn lọc từ ngữ tinh tế. | | Lời văn, giọng văn | Giọng văn linh hoạt, khi thì giảng giải, cắt nghĩa tỉ mỉ, lúc lại tưởng tượng, liên tưởng bay bổng, có khi mang tính đối thoại, tranh biện, có khi lại say sưa, chân thành, tràn đầy tình cảm và niềm tự hào với di sản văn học của dân tộc. | |
| **NV6: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tính dân tộc của ba bài thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: *Xuân Diệu nhận định: Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến là thành công tốt đẹp của quá trình “dân tộc hoá nội dung mùa thu” và “dân tộc hoá hình thức lời thơ”. Em suy nghĩ như thế nào về nhận định trên?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức | **6. Tính dân tộc của ba bài thơ mùa thu của Nguyễn Khuyến**  - Dân tộc hoá là việc nhà văn, nhà thơ vận dụng và phá triển một cách sáng tạo phương thức tư duy nghệ thuật, hình thức, thủ pháp nghệ thuật đặc thù của dân tộc mình để phản ánh hiện thực cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của dân tộc. Đó là một trong những tiêu chí đánh dấu sự trưởng thành về văn học nghệ thuật của một dân tộc.  - Thời trung đại, văn học Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hoá, văn học Trung Hoa. Viết về đề tài mùa thu, không ít nhà thơ sử dụng thi liệu, hình ảnh ước lệ, tượng trưng khiến mùa thu trong thơ hiện lên không giống với quê hương làng cảnh Việt Nam mà là mang đặc trưng của mùa thu phương Bắc. Những vần thơ thu mang dấu ấn dân tộc vẫn một khoảng trống trên thi đàn, và Nguyễn Khuyến đã góp phần lấp đấy khoảng trống này.  - Nói chùm thơ thu của Nguyễn Khuyế thành công trong việc *“dân tộc hóa nội dung mùa thu”* và *“dân tộc hóa hình thức lời thơ”* có nghĩa là về phương diện nội dung, chùm thơ thu đã thể hiện được vẻ đẹp của quê hương làng cảnh Việt Nam, vẻ đẹp của đồng bằng Bắc Bộ trên đất nước ta, chứ không phải ở một quốc gia nào khác. Phong cảnh mùa thu hiện lên thật chân thực như *“năm gian nhà cỏ", “ngõ tối đêm sâu”,* ở *"các điệu xanh"* chứ không phải sắc vàng, sắc đỏ như mùa thu trong thơ Đường, thơ Tống của Trung Quốc. *“Dân tộc hoá hình thức lời thơ”* có nghĩa là tác gi đã sử dụng "hình thức lời thơ, câu thơ cho thật là Nôm, là Việt Nam, nhiều hình ảnh giản dị gần gũi, dễ hiểu. |

**4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

- Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

- Một số lưu ý khi đọc vb nghị luận văn học.

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs làm việc cá nhân.*  1) *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản theo PHT số 6.*  *2) Em hãy rút ra một số lưu ý khi đọc nghị luận văn học.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời.  - Hs khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **IV. Tổng kết**  **1. Nội dung, nghệ thuật**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Thông qua chùm thơ thu và những câu thơ thấm đẫm hình ảnh và tình người chúng ta một lần nữa có thể khẳng định rằng Nguyễn Khuyến chính là nhà thơ làng cảnh Việt Nam. Sự giản dị và lối sống thanh cao của ông cũng phần nào thấm nhuần vào những câu thơ mang màu sắc của nông thôn. | - Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề hợp lí; cách tổ chức luận điểm chặt chẽ  Sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục; ngôn ngữ giàu hình ảnh, chọn lọc từ ngữ tinh tế; giọng văn linh hoạt, khi thì giảng giải, cắt nghĩa tỉ mỉ, lúc lại tưởng tượng, liên tưởng bay bổng, có khi mang tính đối thoại, tranh biện, có khi lại say sưa, chân thành, tràn đầy tình cảm và niềm tự hào với di sản văn học của dân tộc. |   **2. Một số lưu ý khi đọc văn bản** **nghị luận văn học**  - Xác định luận đề, luận điểm, hệ thống lí lẽ, bằng chứng.  - Chỉ ra được vai trò của luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong việc thể hiện luận đề.  - Chỉ ra được nét độc đáo trong nghệ thuật nghị luận của văn bản.  -... |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú”.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Câu 1: Văn bản Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam là kiểu văn bản nào?  A. Văn bản thuyết minh.  **B. Văn bản nghị luận.**  C. Văn bản hành chính.  D. Văn bản biểu cảm.  Câu 2: Ai là tác giả của bài viết Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam?  **A. Xuân Diệu.**  B. Nguyễn Khuyến.  C. Hoài Thanh.  D. Nam Cao.  Câu 3: Đối tượng của văn bản Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam là gì?  A. Nhà thơ Nguyễn Khuyến với bài thơ Thu điếu.  **B. Nhà thơ Nguyễn Khuyến với chùm thơ thu Thu điếu, Thu ẩm, Thu vịnh.**  C. Nhà thơ Nguyễn Khuyến với bài thơ Thu ẩm.  D. Nhà thơ Nguyễn Khuyến với bài thơ Thu vịnh.  Câu 4: Câu nào sau đây nêu lên ý kiến khái quát của người viết về bài thơ Thu ẩm?  A. Một câu thơ của Nguyễn Khuyến về cảnh sắc Việt Nam như thế, là một câu thơ hiếm có.  B. Trong ba bài thơ, bài này mang cái hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả, cái thanh, cái trong, cái nhẹ, cái cao.  **C. Bài thơ này, theo tôi, không phải chỉ nói trong một thời điểm, là trong một đêm trăng hạn định, mà là tổng hợp nhiều thời điểm, khái niệm, khái quát về cảnh thu.**  D. Không còn những ước lệ văn hoa sang trọng mà bình dân, tiến lên hiện thực rồi.  Câu 5: Theo Xuân Diệu, trong ba bài thơ thu, bài thơ nào mang cái hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả?  A. Thu điếu.  **B. Thu vịnh.**  C. Thu ẩm.  D. Cả ba bài thơ.  Câu 6: Xuân Diệu đã chỉ ra đặc điểm chung nào ở ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến?  A. Ba bài thơ đều gợi nên những nét đặc trưng nhất, bình dị nhất của mùa thu Việt Nam ở 3 miền đất nước.  B. Ba bài thơ đều thể hiện sự am hiểu của Nguyễn Khuyến về mùa thu Bắc Bộ Việt Nam.  C. Ba bài thơ tuy có những nét riêng nhưng đều mang đặc trưng của mùa thu miền Bắc nước ta.  **D. Ba bài thơ hay và điển hình nhất cho mùa thu Việt Nam, ở miền Bắc nước ta chứ không ở nước nào khác.**  Câu 7: Cái thần, cái hồn của cảnh mùa thu ở bài thơ Thu vịnh nằm ở đâu?  **A. Nằm ở bầu trời mùa thu.**  B. Nằm ở ao nhỏ mùa thu.  C. Nằm ở cần trúc mùa thu.  D. Tất cả các đáp án trên đều sai.  Câu 8: Lí lẽ, bằng chứng nào sau đây không phải để làm rõ luận điểm bài thơ Thu vịnh là mang hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả?  **A. Niềm suy tư, trăn trở về chốn quan trường của Nguyễn Khuyến.**  B. Cái hồn, cái thần của cảnh thu là nằm ở trong bầu trời, ở trên trời thu.  C. Các câu thơ Song thưa để mặc bóng trăng vào, Một tiếng trên không ngỗng nước nào đều nói về không gian trời cao.  D. Hình ảnh cây tre Việt Nam còn non, thanh mảnh như cái cần câu in lên trời biếc, gió đẩy đưa khe khẽ, hợp với trời thu.  Câu 9: Ý nào nói không đúng về nghệ thuật nghị luận của văn bản "Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam":  A. Cách mở đầu, dẫn dắt vấn đề hợp lí.  B. Cách tổ chức luận điểm chặt chẽ.  C. Sử dụng lí lẽ, bằng chứng thuyết phục.  **D. Giọng văn đanh thép, sắc bén.**  Câu 10: Các luận điểm, lí lẽ, bằng chứng mà Xuân Diệu sử dụng có vai trò như thế nào trong việc thể hiện luận đề?  A. Giúp làm sáng rõ luận đề.  B. Giúp cho luận đề trở nên dễ hiểu.  C. Tăng tính thuyết phục.  **D. Cả 3 đáp án trên.**  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn .

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: [*Viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) nêu cảm nhận của em về một hình ảnh đặc sắc trong một bài thơ thu của Nguyễn Khuyến.*](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/hinh-anh-dac-sac-trong-mot-bai-tho-thu-cua-nguyen-khuyen.jsp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **Bảng kiểm đánh giá đoạn văn**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Yếu tố** |  | **Đ** | **CĐ** | | Nội dung | Chọn được hình ảnh đặc sắc trong bài thơ. |  |  | | Chỉ ra được sự độc đáo, đặc sắc của hình ảnh. |  |  | | Chỉ ra được đặc sắc nghệ thuật trong việc thể hiện hình ảnh |  |  | | Có sự liên hệ, so sánh. |  |  | | Hình thức | Viết đoạn văn đảm bảo dung lượng. |  |  | | Đoạn văn có câu chủ đề, các câu trong đoạn làm sáng tỏ chủ đề. |  |  | | Tránh các lỗi về chính tả và dùng từ. |  |  | | Đoạn văn tham khảo  Cảnh trong Thu điếu là cảnh đẹp nhưng cũng tĩnh lặng và đượm buồn. Một không gian vắng người, vắng tiếng: Ngõ trúc quanh co khách vắng teo. Sự vận động cũng có nhưng chỉ là những vận động rất nhẹ, rất khẽ: sóng hớt gợn, lá khẽ đưa, mây lơ lửng... âm thanh tiếng cá đớp mồi thì mơ hồ. Những vận động này không làm cho không khí của bức tranh thu trở nên sôi động mà chỉ càng làm tăng thêm sự tĩnh lặng của nó. Mọi cảnh, mọi vật trong bức tranh thu này đều gợi cái tĩnh lặng và đượm buồn. Cái lạnh lẽo, trong veo của nước, cái biếc của sóng, cái xanh ngắt của trời... những trạng thái, màu sắc đó cho thấy một sự tĩnh lặng đang bao trùm từ bầu trời cho đến mặt đất. Mọi cái dường như không chuyển động, dường như rơi vào trạng thái im vắng đến tuyệt đối. Cả con người ở đây cũng vậy. Người ngồi câu trong trạng thái tựa gối ôm cần, không câu được cá nhưng dường như vẫn không hề sốt ruột, cái không chi toát lên ở vẻ bề ngoài mà là ở chiều sâu của tâm tư - một tâm tư dường như cũng tĩnh lặng tuyệt đối. Con người và cảnh vật một cách tự nhiên đã hòa nhịp cùng nhau tạo nên linh hồn cho bức tranh thu. |

**IV. Phụ lục**

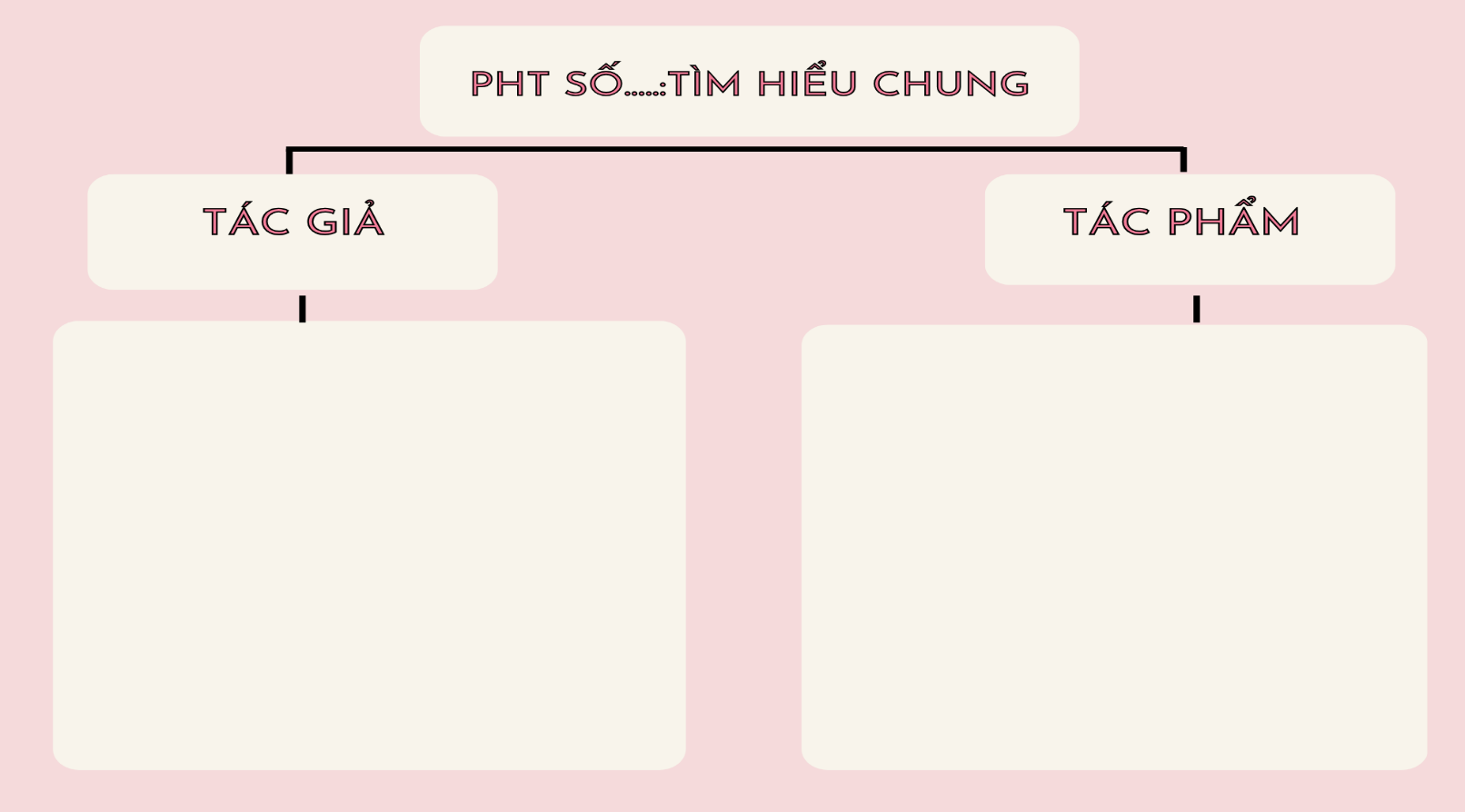
**PHT SỐ 2**

|  |
| --- |
| **PHT số 2**  **1. Vấn đề được bàn luận trong bài.**  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................  **2. Các cụm từ: “mùa thu của Việt Nam”, “nước ta”, “đất nước nhà mình”.**  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................**3. Ý kiến của người viết về bài thơ "Thu ẩm"**  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................**4. Câu mở đầu đoạn thể hiện ý kiến của người viết về bài "Thu vịnh"**  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................**5. Cách tác giả nêu lí lẽ bằng chứng để chứng minh cho ý kiến.**  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................**6. Câu mở đầu đoạn thể hiện ý kiến của người viết về bài thơ “Thu điếu”.**  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................**7. Cách tác giả nêu lí lẽ, bằng chứng để chứng minh cho ý kiến.**  ..................................................................................................................................................................................................................................................................................................**8. Câu văn đánh giá chung về ba bài thơ thu**  ................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

**GỢI Ý PHT SỐ 2**

|  |
| --- |
| **1. Vấn đề được bàn luận trong bài.**  Vấn đề được bàn luận trong bài là nhà thơ Nguyễn Khuyến về các bài thơ viết về mùa thu.  **2. Các cụm từ: “mùa thu của Việt Nam”, “nước ta”, “đất nước nhà mình”.**  Góp phần khẳng định Nguyễn Khuyến là nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam.  **3. Ý kiến của người viết về bài thơ "Thu ẩm"**  Bài thơ "Thu ẩm" không phải chỉ nói trong một thời điểm, là trong một đêm trăng hạn định, mà tổng hợp nhiều thời điểm, khái niệm, khái quát về cảnh thu. Nếu chỉ nói cảnh một đêm thu có trăng thì bài thơ tù túng và thiếu logic.  **4. Câu mở đầu đoạn thể hiện ý kiến của người viết về bài "Thu vịnh"**  Trong bài này mang cái hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả, cái thanh, cái trong, cái nhẹ, cái ao được thể hiện ngay trong phần mở đầu. Mang thần của cảnh mùa thu, cái hồn, cái thần của cảnh thu tỏa xuống cả cảnh vật.  **5. Cách tác giả nêu lí lẽ bằng chứng để chứng minh cho ý kiến.**  Tác giả chứng minh cho ý kiến là từ cây tre Việt Nam những cây còn non, ít lá, thanh mảnh cao vót như cái cần câu in lên trời biếc, gió đẩy đưa khe khẽ, thật thanh đạm, hợp với hồn thu.  **6. Câu mở đầu đoạn thể hiện ý kiến của người viết về bài thơ “Thu điếu”.**  Bài “Thu vịnh” có thần hơn hết, nhưng ta vẫn phải nhận bài “Thu điếu” là điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ).  **7. Cách tác giả nêu lí lẽ, bằng chứng để chứng minh cho ý kiến.**  Tác giả chứng minh cho ý kiến “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo” bằng cách đưa ra thực tế ở huyện Bình Lục là xứ đồng chiêm rất trũng kia mà. Nhiều ao cho nên ao nhỏ, ao nhỏ thì thuyền câu cũng bé tẻo teo. Sóng biếc cũng gợn rất nhẹ.  **8. Câu văn đánh giá chung về ba bài thơ thu**  Ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến, nhìn gộp chung lại, là thành công tốt đẹp của quá trình dân tộc hóa nội dung mùa thu cho thật là thu Việt Nam, trên đất nước ta, và dân dộc hóa hình thức lời thơ, câu thơ cho thật là Nôm, là Việt Nam. |

**PHT số 3**

****

**PHT số 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thu ẩm*** | **Luận điểm thể hiện**  **vẻ đẹp riêng**  …………………………...  …………………………...  …………………………... | **Lí lẽ**  …………………………………………………. |
| **Bằng chứng**  …………………………………………………. |
| ***Thu vịnh*** | **Luận điểm thể hiện**  **vẻ đẹp riêng**  …………………………...  …………………………...  …………………………... | **Lí lẽ**  …………………………………………………. |
| **Bằng chứng**  …………………………………………………. |
| ***Thu điếu*** | **Luận điểm thể hiện**  **vẻ đẹp riêng**  …………………………...  …………………………...  …………………………... | **Lí lẽ**  …………………………………………………. |
| **Bằng chứng**  …………………………………………………. |

**GỢI Ý PHT SỐ 5**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Thu***  ***ẩm*** | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ thể hiện vẻ đẹp của mùa thu ở nhiều thời điểm, sự khái quát về cảnh thu. | Lí lẽ:  - Nếu chỉ nói cảnh một đêm thu có trăng, thì bài thơ tù túng và thiếu lô-gíc.  - *Ngõ tối đêm sâu* mâu thuẫn với *Làn ao lóng lánh bóng trăng loe*.  - *Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt* thì không hợp, không điển hình với một đêm có trăng.  - Khói bếp nhà ai đã nấu cơm chiều.  - *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt* là trời của một buổi chiều. |
| Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài *Thu ẩm* và hai câu thơ chữ Hán của Nguyễn Khuyến (SHS, trang 62). |
| ***Thu vịnh*** | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ mang cái hồn, cái thần của cảnh vật mùa  thu hơn cả: vẻ thanh trong - nhẹ cao. | Các lí lẽ của tác giả về cái thần, cái hồn của mùa thu đều hướng đến làm sáng tỏ cho ý kiến về vẻ thanh - trong - nhẹ - cao. Cụ thể:  - Cái hồn, cái thần của cảnh thu là nằm ở bầu trời.  + Trời thu rất cao toả xuống cả cảnh vật (miêu tả trực tiếp bầu trời).  + Cây tre như cần câu in lên trời biếc, gió đẩy đưa khe khẽ mang vẻ đẹp thanh đạm.  + *Song thưa để mặc bóng trăng vào* thuộc về trời cao.  + *Một tiếng trên không ngỗng nước nào* cũng nói về trời cao.  - *Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái* gợi cái bâng khuâng man mác về thời gian.  - *Nước biếc trông như tầng khói phủ* bay bổng nhẹ nhàng, mơ hồ hư thực. |
| Bằng chứng: các câu thơ, cụm từ được dẫn ra từ bài *Thu vịnh.* |
| Thu điếu | Luận điểm thể hiện vẻ đẹp riêng: Bài thơ điển hình hơn cả cho mùa thu của làng cảnh Việt Nam (ở Bắc Bộ). | Theo phân tích của tác giả, người đọc nhận ra cảnh ở hai bài thơ thể hiện về Thu ẩm và Thu vịnh còn mang tính khái quát, nhưng đến bài đẹp riêng: Bài Thu điếu, cảnh đã mang tính điển hình cho đồng bằng xứ Bắc. thơ điển hình có những hình ảnh đặc trưng của mùa thu đồng bằng Bắc Bộ.  Tác giả sử dụng các lí lẽ sau để làm sáng tỏ:  - Bình Lục là vùng đất nhiều ao.  - Ao nhỏ, thuyến theo đó cũng bé tẻo teo, sóng biếc rất nhẹ, lá vàng rụng theo gió.  - Không gian “nhìn lên: trời thu xanh cao đám mây đọng lơ lửng trồng quanh: lối đi trong làng hai bên tre biếc mọc sầm uất...."  - Nhấn mạnh cái thú vị của Thu điếu là ở "các điệu xanh", ở “những cử động", "ở các vẫn thơ". |
| Bằng chứng: các hình ảnh, câu thơ được dẫn ra từ bài Thu điếu. |

**Tiết theo PPCT: 102**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học).

- HS nhận biết được hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

- HS xác định được chức năng của thành phần tình thái và thành phần cảm thán, biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập VB.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học.

**3. Kiến thức**

Khái niệm, chức năng của hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT;

- Tranh ảnh ;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền.

**b. Nội dung:** Hs trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** HS hoàn thành cột K, W của phiếu K-W-L để xác định những điều đã biết và muốn biết về bài học:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | K  (Những điều em đã biết về các thành phần trong câu). | W  (Những điều em muốn biết thêm về thành phần biệt lập trong câu). | L  (Những điều em đã học được về thành phần biệt lập trong câu). | | … | … | … |   **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ theo trình tự (1) → (2).  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  1 - 2 HS trình bày, các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  (1) GV ghi nhận những nội dung HS đã biết và muốn tìm hiểu về thành phần biệt lập trong câu lên bảng phụ của lớp.  (2) GV nhận xét câu trả lời của HS; giới thiệu bài học và nhiệm vụ học tập. |  |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH** **KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

Hs nhận biết khái niệm, chức năng của hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  (1) Phân tích ví dụ: Từ in đậm trong các ví dụ sau có vai trò gì?  (a)  **Ôi,** cô Gió thật là tốt quá!  (Xuân Quỳnh, Cô Gió mất tên)  (b) Tàu Nau-ti-lơtx **dường như** đứng yên một chỗ, vì xung quanh chẳng thấy một điểm nào động đậy.  (Giuyn Véc-nơ, Hai vạn dặm dưới biển)  (2) *Em hãy cho biết thành phần biệt lập là gì? Thành phần biệt lập bao gồm mấy loại?*  (3) *Em hãy nêu chức năng của thành phần tình thái và thành phần cảm thán.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Ví dụ**  🡪 **“Ôi”** dùng để diễn tả cảm xúc của người nói  🡪 **“Dường như”** biểu thị ý phỏng đoán một cách dè dặt, dựa trên những gì người nói trực tiếp cảm nhận.  **2. Kết luận**  - Thành phần biệt lập là thành phần không nằm trong cấu trúc cú pháp của cầu (chủ ngữ vị ngữ, trạng ngữ, định ngữ, bổ ngữ) và cũng không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của cầu. Thành phần biệt lập gồm: thành phần tình thái, thành phần cảm thán, thành phần gọi - đáp, thành phần chêm xen (phụ chú).  - Thành phần tình thái: thành phần thể hiện thái độ, cách đánh giá của người nói (người viết) đối với sự việc được nói tới trong câu. Ví dụ:  ***+ Chắc chắn*** *tất cả đám học sinh chúng tôi đứa nào cũng yêu mến thầy vì tấm lòng nhân từ, vì những ý nghĩ tốt lành, vì những ước mơ của thầy về tương lai chúng tôi.* (Trin-ghi-do Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)  **🡪 Chắc chắn** là thành phần tình thái, thể hiện sự đánh giá về tính chính xác của thông tin được nói tới trong câu.  *+ Hoạ sĩ còn đang nheo mắt cố đọc tên các sách trên giá thì cô gái đã bước tới,* ***dường như*** *làm việc ấy hộ bố.* (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa).  🡪 ***Dường như*** là thành phần tình thái thể hiện ý không chắc chắn.  - Thành phần cảm thán: thành phần được dùng để bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc của người nói, người viết (vui, buồn, ngạc nhiên, tức giận,...). Ví dụ:  + **Chao ôi**, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành được sáng tác còn là một chặng đường dài,  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  🡪 Chao ôi là thành phần cảm thán bộc lộ sự xúc động.  + Ơ, cái bà này! Sao bà cứ cuống quýt lên vậy?  (Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi).  🡪 **Ơ** là thành phần cảm thán bộc lộ sự ngạc nhiên. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

- HS xác định được chức năng của thành phần tình thái và thành phần cảm thán, biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập VB.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung trả lời của các bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm  *+ Nhóm 1: Bài 1*  *+ Nhóm 2: Bài 2*  *+ Nhóm 3: Bài 3*  ***Bài tập******1:****Tìm thành phần tình thái trong các câu sau và chỉ ra ý nghĩa của thành phần ấy trong từng trường hợp:*  *a. Mặt nữa, “Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt” chắc hẳn không phải là trời một đêm trăng, mà phải là trời một buổi chiều.*  *(Xuân Diệu, Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam).*  *b. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể là những cái đó…*  *(Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi)*  *c. Con cá nằm yên. Có lẽ vì thấm mệt nên giờ đây nó ngủ.*  *(Giuyn Véc-nơ, Cuộc chạm trán trên đại dương)*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | ***Trường hợp*** | ***Thành phần tình thái*** | ***Ý nghĩa của thành phần tinh thái*** | | *Câu a* |  |  | | *Câu b* |  |  | | *Câu c* |  |  |   ***Bài tập 2****: Tìm 3 – 5 từ chỉ thái độ, cách đánh giá của người nói về mức độ tin cậy của sự việc được nói tới và đặt một câu với mỗi từ ngữ tìm được.*  ***Bài tập******3****: Tìm thành phần cảm thán trong các câu sau và chỉ ra ý nghĩa của thành phần ấy trong từng trường hợp:*  *a. Trời ơi, ước gì thầy Đuy-sen là anh ruột của tôi!*  *(Trin-ghi-dơ Ai-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên).*  *b. Má tôi cũng coi nó là gió Tết, nghe gió, má thuận miệng hát “Cấy rồi mùa qua sông cấy mướn. Ông trời ổng thổi ngọn chướng buồn cha chả là buồn…” rồi thở dài cái thượt “Ứ hự, lụi hụi mà hết năm”.*  *(Nguyễn Ngọc Tư, Trở gió).*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Thành phần cảm thán** | **Ý nghĩa của thành phần cảm thán** | | Câu a |  |  | | Câu b |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung : | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Thành phần tình thái** | **Ý nghĩa của thành phần tinh thái** | | Câu a | *chắc hẳn* | *chắc hẳn* là thành phần tình thải thể hiện sự phỏng đoán tương đối chính xác về nhận định: câu thơ *Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt* không phải là bầu trời trong một đêm trăng mà là trong một buổi chiều. | | Câu b | *hình như, có thể* | *hình như, có thể* là thành phần tình thái thể hiện sự phỏng đoán không chắc chắn của "tôi" đối với đối tượng mà mình nhớ đến. | | Câu c | *có lẽ* | *có lẽ* là thành phần tình thái thể hiện sự đánh giá không chắc chắn về trạng thái của đối tượng (cụ thể ở đây là con cá). |   **Bài tập 2:**  - Các từ ngữ chỉ thái độ, cách đánh giá của người nói về mức độ tin cậy của sự việc được nói tới  **+** Nhóm từ ngữ chỉ thái độ, cách đánh giá thể hiện mức độ tin cậy cao bao gồm: chắc chắn, nhất định, đích thị, ắt hẳn,...  + Nhóm từ ngữ chỉ thái độ, cách đánh giá thể hiện mức độ tin cậy thấp bao gồm: hắn là, hấu như, dường như, có vẻ...  - Ví dụ:  + **Có vẻ** như cậu bé đang rất buồn.  + **Chắc chắn** chiều nay sẽ mưa đấy.  + Tôi **nhất định** sẽ được học sinh giỏi năm học này.  + **Dường như** cô ấy đã khóc rất nhiều.  **Bài tập 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trường hợp** | **Thành phần cảm thán** | **Ý nghĩa của thành phần cảm thán** | | Câu a | *trời ơi* | *trời ơi* là thành phần cảm thán thể hiện sự xúc động mãnh liệt của người nó người viết. | | Câu b | *ứ hự* | *ứ hự* là thành phần cảm thán thể hiện sự không bằng lòng, không thuận ý cá người nói/ người viết. | |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Hs viết được đoạn văn.

**b. Nội dung:** Hs thực hành làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  [*Viết đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu) trình bày cảm nhận của em về*](https://vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/nhan-vat-su-viec-hoac-chi-tiet-ma-em-an-tuong-van-ban-mat-soi.jsp) *câu thơ mà em ấn tượng trong ba bài thơ thu của Nguyễn Khuyến (sử dụng ít nhất một thành phần tình thái hoặc một thành phần cảm thán).*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung những điều học sinh chưa chắn chắn. | Gợi ý:  Ao thu lạnh lẽo nước trong veo  Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo  Không khí mùa thu được gợi nên từ sự dịu nhẹ, nguyên sơ nhất của cảnh vật với làn nước trong veo, không một gợn đục. Mùa hè đã đi qua, những cơn mưa lớn với dòng nước đỏ đục **dường như** đã không còn mà thay vào đó là cái thanh tĩnh, trong trẻo của làn nước, của cảnh vật. Trong không gian nhỏ hẹp ấy là hình ảnh của chiếc thuyền câu nhưng nó không hề lọt thỏm giữa không gian thiên nhiên mà lại rất hài hòa, cân xứng. Tác giả vẽ ra khung cảnh **tưởng như** đối lập ao thu – thuyền câu, nhưng **kì thực** chúng lại hòa quyện với nhau đến kì lạ, bởi vật tác giả chọn là ao thu chứ không phải hồ thu – gợi cảm giác rộng lớn, choáng ngợp. Ao thu ấy khi có thuyền câu bên cạnh trở nên hài hòa, cân xứng và đậm chất khung cảnh làng quê Bắc Bộ Việt Nam. Hai câu thơ đầu gieo vần “eo” nhưng không hề gợi lên cảm giác eo hẹp, nhỏ bé, tù túng mà ngược lại gợi nên cái nhỏ nhắn, thanh thoát của cảnh vật. |

**IV. Phụ lục**

**BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

**Tiết theo PPCT:103-104**

**VĂN BẢN 2: ĐỌC VĂN – CUỘC CHƠI TÌM Ý NGHĨA**

**(Trần Đình Sử)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Qua việc tìm hiểu VB Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa, HS xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB.

- HS học hỏi được cách nêu luận đề, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

- HS hiểu được bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, biết tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

**3. Kiến thức**

- Thấy được VB bàn luận về bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn: Đọc văn là thông qua văn bản văn học mà đọc hiểu được thế giới và cuộc đời, đi tìm ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học.

- Nghệ thuật: Lập luận chặt chẽ; sử dụng đa dạng các kiểu câu tạo ra giọng văn linh hoạt; biện pháp điệp ngữ,...

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT;

- PHT số 1,2;

- Tranh ảnh;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Sách văn học hấp dẫn đối với nhiều người. Điều gì đã tạo nên sức cuốn hút ấy?*  *+ Có những tác phẩm văn học cần được đọc đi đọc lại nhiều lần. Theo em, thực tế đó nói lên điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở.  - HS suy nghĩ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày ý kiến, hs khác bổ sung, nhận xét (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | Gợi ý:  + Sách văn học hấp dẫn đối với nhiều người, trong đó có thể có em. Điều tạo nên sức cuốn hút ấy là những từ ngữ được trau chuốt kỹ càng và ý nghĩa ẩn dụ phía sau câu từ, những bài học nhân sinh rút ra từ tác phẩm.  + Có những tác phẩm văn học cần được đọc đi đọc lại nhiều lần. Thực tế đó cho thấy một tác phẩm luôn có rất nhiều tầng nghĩa và cách hiểu khác nhau, phải đọc đi đọc lại mới có thể hiểu được hết những ý nghĩa ấy. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ.  *+ Gv hướng dẫn cách đọc.*  *+ Hs chú ý trả lời các thẻ chiến lược đọc (PHT số 1).*   |  |  | | --- | --- | | ***Những điểm cần lưu ý*** | ***Trả lời*** | | Cách dẫn dắt vấn đề của tác giả. |  | | Tác giả quan niệm đọc văn là gì? |  | | Các cách diễn đạt “vì thế”, “mới thực sự là”, “vậy nên”, “thực tế cho thấy” có tác dụng gì? |  | | Theo tác giả, đọc văn là cuộc chơi. Phải chăng đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó? |  | | Cách lí giải của tác giả về sự hóa thân của người đọc trong quá trình đọc văn. |  | | Cách nêu bằng chứng trong văn bản này có gì khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”. |  |   *+ Hs báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm (đã được phân công từ trước, mỗi tổ sẽ báo cáo về một tác giả bằng các hình thức khác nhau, hs gửi sản phẩm vào nhóm lớp trước khi bắt đầu tiết học) (Hs hoàn thành theo PHT số 2).*  *+ Hs điền từ còn thiếu vào PHT số 3 để tìm hiểu về người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học.*   |  | | --- | | - Tác giả là ... văn bản văn học, còn người đọc là.... Quá trình đọc ... và .... giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản văn học chính là quá trình ... , việc tiếp nhận không thể tách rời đặc điểm của văn bản (thể loại, đề tài, thủ đô, bố cục, biện pháp nghệ thuật, các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng).  - Tuy nhiên, hoàn cảnh tiếp nhận tác phẩm, ... , vốn hiểu biết, sự trải nghiệm của mỗi người đọc khác nhau, do đó cách hiểu, cảm nhận về ý nghĩa, giá trị của tác phẩm sẽ có những ..., không hoàn toàn đồng nhất.  - Mỗi người đọc có thể lựa chọn cách đọc, cầm nhận, hiểu tác phẩm dựa trên vốn sống, kinh nghiệm,... của mình, có khả năng phát hiện ra những giá trị, ý nghĩa mới của văn bản. Do đó ý nghĩa, giá trị của tác phẩm với mỗi người đọc, mỗi thời đại có thể được ... mở rộng và trở nên phong phú hơn. |   - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân/nhóm.  - GV quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - Hs đọc phù hợp với tốc độ đọc.  - GV nhắc HS chú ý chiến lược đọc.   |  |  | | --- | --- | | **Những điểm cần lưu ý** | **Trả lời** | | Cách dẫn dắt vấn đề của tác giả. | Dẫn dắt vấn đề trực tiếp. | | Tác giả quan niệm đọc văn là gì? | Tác giả quan niệm đọc văn là thông qua văn bản văn học mà đọc hiểu được thế giới và cuộc đời, đi tìm ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học. | | Các cách diễn đạt “vì thế”, “mới thực sự là”, “vậy nên”, “thực tế cho thấy” có tác dụng gì? | Các cách diễn đạt “vì thế”, “mới thực sự là”, “vậy nên”, “thực tế cho thấy” có tác dụng liên kết câu văn và tăng tính thuyết phục cho các lập luận được nêu ra. | | Theo tác giả, đọc văn là cuộc chơi. Phải chăng đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó? | Theo tác giả, đọc văn là cuộc chơi. Đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó, dựa trên cấu tạo của văn bản để đọc hiểu, không bị lạc đề hay hiểu quá xa nội dung được nhắc đến. Mặt khác, người đọc cũng có quyền liên tưởng và lý giải, miễn sao không phương hại đến tính toàn vẹn của tác phẩm. | | Cách lí giải của tác giả về sự hóa thân của người đọc trong quá trình đọc văn. | Khi chưa đọc, văn bản in chỉ là một sự vật, một khách thể, nhưng khi đã đọc thì dần dần khách thể đó biến mất, sách vẫn còn đó nhưng đồng thời lại “biến mất” để nhường chỗ cho thế giới hình tượng, sách từ bên ngoài chuyển vào trong nội tâm người đọc, người đọc hóa thân vào nhân vật trong sách. | | Cách nêu bằng chứng trong văn bản này có gì khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”. | Cách nêu bằng chứng trong văn bản này khác với văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”. Trong văn bản “Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam”, dẫn chứng được liệt kê dày đặc hơn, xuyên suốt các đoạn văn trong văn bản. Đến với văn bản này, số lượng dẫn chứng ít hơn và phân bổ tập trung hơn. |   **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Trần Đình Sử là một giáo sư, tiến sĩ lý luận văn học, Nhà giáo Nhân dân, Đại học Sư phạm Hà Nội.  - Ông là một trong những nhà lí luận văn học hàng đầu của Việt Nam và có nhiều đóng góp trong việc làm thay đổi diện mạo nền lí luận, phê bình văn học của Việt Nam những năm cuối thế kỉ XX đầu thế kỉ XXI.  **b. Tác phẩm**  Đọc – cuộc chơi tìm ý nghĩa được trích trong Đọc văn học văn (NXB Giáo dục, 2001)  **c. Người đọc và cách tiếp nhận riêng đối với một văn bản văn học**  - Tác giả là chủ thể sáng tạo văn bản văn học, còn người đọc là chủ thể tiếp nhận. Quá trình đọc tưởng tượng và cảm nhận giá trị nghệ thuật và nội dung của văn bản văn học chính là quá trình tiếp nhận, việc tiếp nhận không thể tách rời đặc điểm của văn bản (thể loại, đề tài, thủ đô, bố cục, biện pháp nghệ thuật, các yếu tố ngôn ngữ được sử dụng).  - Tuy nhiên, hoàn cảnh tiếp nhận tác phẩm, vốn sống vốn hiểu biết, sự trải nghiệm của mỗi người đọc khác nhau, do đó cách hiểu, cảm nhận về ý nghĩa, giá trị của tác phẩm sẽ có những nét riêng, không hoàn toàn đồng nhất.  - Mỗi người đọc có thể lựa chọn cách đọc, cầm nhận, hiểu tác phẩm dựa trên vốn sống, kinh nghiệm,... của mình, có khả năng phát hiện ra những giá trị, ý nghĩa mới của văn bản. Do đó ý nghĩa, giá trị của tác phẩm với mỗi người đọc, mỗi thời đại có thể được sáng tạo mở rộng và trở nên phong phú hơn. |

**3. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Qua việc tìm hiểu VB Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa, HS xác định được luận đề, luận điểm, lí lẽ, bằng chứng của VB.

- HS học hỏi được cách nêu luận đề, xây dựng luận điểm và sử dụng lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc.

- HS hiểu được bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, biết tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về luận đề và hệ thống các luận điểm**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + *HS thảo luận nhóm 4-6 theo PHT số 4 để tìm hiểu về luận đề và luận điểm.*  *+ Em hãy nhận xét về mối quan hệ giữa luận điểm và luận đề.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Tìm hiểu về luận đề và hệ thống các luận điểm**  - Luận đề của văn bản: bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn.  - Hệ thống luận điểm:  + Luận điểm 1: Ý nghĩa của văn học là tiềm ẩn và khó nắm bắt.  +Luận điểm 2: Mục đích của việc đọc văn là đi tìm ý nghĩa cuộc đời qua VB văn học.  +Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc.  +Luận điểm 4: Người đọc được quyền tự do nhưng không thể tuỳ tiện trong tiếp nhận.  +Luận điểm 5: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì.  +Luận điểm 6: Giá trị của việc đọc văn.  🡪Các luận điểm trên đều làm rõ những khía cạnh khác nhau của luận đề: bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn. |
| **NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu quan điểm của người viết và mối liên hệ giữa trò chơi ú tim và đọc văn**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm đôi.  + *Tác giả cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học thường không cố định. Câu văn nào trong văn bản giúp em hiểu rõ về vấn đề này?*  *+ Trong văn bản, các từ ngữ như chơi trò, trò chơi, ú tim, chơi được lặp lại nhiều lần. Với những từ ngữ đó, tác giả lí giải như thế nào về việc đọc văn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **2. Tìm hiểu quan điểm của người viết và mối liên hệ giữa trò chơi ú tim và đọc văn**  - Câu văn giúp hiểu rõ ý nghĩa của VB văn học thường không cố định là: “Lí thuyết đọc ngày nay cho thấy ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tuỳ vào cách người ta thiết lập mối liên hệ giữa các loại VB với nhau  - Mối liên hệ giữa trò chơi ú tim và đọc văn: Các từ chơi trò, trò chơi, ú tim, chơi lặp lại nhiều lần nhằm nhấn mạnh mối liên hệ giữa việc đọc và trò chơi ú tim. Sở dĩ có sự liên tưởng ấy bởi hoạt động đọc văn cũng giống như một cuộc chơi. Trò chơi cần có luật chơi và phải đem đến cho người tham gia niềm vui thích, sự hứng khởi. Đọc cũng như vậy, đã tham gia chơi thì phải tôn trọng luật của nó, và trong quá trình đọc người đọc cũng tìm thấy niềm vui, ý nghĩa của việc đọc. Không chỉ vậy, tác giả liên tườn đến trò chơi ú tim còn có hàm ý đây là cuộc chơi có nhiều bất ngờ. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ luận điểm**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ HS thảo luận nhóm đôi theo PHT số 5 để xác định lí lẽ, bằng chứng (nếu có) mà tác giả sử dụng trong việc làm sáng tỏ luận điểm 3.*  *+Em hãy bổ sung một số bằng chứng lấy từ trải ngiệm của mình theo luận điểm 3. (Gợi mở: Em đã từng đọc tác phẩm nào mà mỗi lần đọc là một lần phát hiện thêm ý nghĩa mới của tác phẩm chưa? Có tác phẩm nào em đọc từ thuở nhỏ, nhưng khi lớn lên mới phát hiện ra nhiều ý nghĩa sâu xa của nó?)*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Cách sử dụng lí lẽ, bằng chứng trong việc làm sáng tỏ luận điểm**  **Luận điểm 3: Cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc**  **\* Lí lẽ mà tác giả đưa ra**  - Chỉ ra nguyên nhân cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc:  + Do ý nghĩa của văn học không chỉ nằm trong VB, mà còn nằm trong mối liên hệ nhiều mặt giữa VB với cuộc đời.  + Ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tuỷ vào cách thiết lập mối liên hệ giữa các loại VB với nhau.  - Phủ định quan niệm cũ cho rằng ý nghĩa của tác phẩm văn học là cố định, đơn nhất.  - Khẳng định đặc trưng của văn học: có tính đa nghĩa, mơ hồ.  - Theo lí thuyết tiếp nhận và quan niệm mới về tác phẩm văn học, mỗi người đọc có một cách tiếp nhận khác nhau về tác phẩm và có cơ hội bình đẳng như nhau trong trò chơi tìm ý nghĩa.  🡪 Các lí lẽ rất giàu sức thuyết phục, bởi những lí lẽ này được dựa trên cơ sở đặc trưng của văn học, lí thuyết tiếp nhận và thực tế đọc hiểu tác phẩm văn học.  **\* Bổ sung một số bằng chứng:**  - Khi đọc hai câu thơ *“Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu/ Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay"* (Bằng Việt, Bếp lửa), có thể ban đầu, người đọc chỉ hiểu ý nghĩa sống mũi còn cay là sự nhớ lại cảm giác bị khói hun thuở nhỏ. Nhưng suy nghĩ sâu hơn, người đọc sẽ phát hiện ra lớp nghĩa hàm ẩn trong câu thơ, trạng thái ấy thể hiện sự xúc động như muốn khóc của người cháu trong hiện tại khi nhớ lại những kỉ niệm tuổi thơ. Cùng một cảm giác, nhưng nguyên nhân của nó lại hoàn toàn khác biệt. Nếu thuở nhỏ, sống mũi còn cay là bởi khói, thì bây giờ, cảm giác ấy lại đến từ sự xúc động, nhớ thương. Một cảm giác nhưng đã kết nối hai thời điểm, nó khiến quá khứ và hiện tại chìm đắm trong nhau, lồng ghép vào nhau khó có thể tách rời.  - Câu thơ: *“Làn ao lóng lánh bóng trăng loe* trong Thu ẩm của Nguyễn Khuyến. Mới đọc câu thơ, người đọc có thể chỉ cảm nhận được vẻ đẹp lóng lánh của trăng. Nhưng đọc kĩ, còn có thể phát hiện thêm lớp nghĩa, đó là bóng trăng trong cái nhìn của thi sĩ khi chếnh choáng hơi men, bởi vậy mới có cảm giác bóng trăng nhoè mờ đi, dập dềnh theo sóng nước mặt ao. |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh lí giải luận điểm “Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì”**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  + *Đọc đoạn (5) và cho biết vì sao tác giả quan niệm tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì.*  *+ Giọng văn trong đoạn (5) có gì khác với những đoạn còn lại?*  Thảo luận – Khăn trải bàn – Reading Habit  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Lí giải luận điểm “Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì”**  - Lí do khiến tác giả cho rằng: **Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kì**  + Làm sống dậy và cụ thể hoá thế giới hình tượng tồn tại tiềm tàng trong tác phẩm, chuyển hoá nó thành “câu chuyện” của chính bản thân người đọc, buộc người đọc phải “toàn tâm toàn ý” suy nghĩ về nó, cũng có nghĩa là bận lòng, bận trí về “những điều chưa bao giờ nghĩ tới” trước khi đọc văn học.  + Xoá bỏ ranh giới giữa độc giả và nhà văn; độc giả thì “suy nghĩ bằng những ngôn từ, hình tượng của nhà văn”, còn nhà văn thì phát biểu quan niệm, cảm nhận của mình nhờ những hoạt động tích cực của tâm hồn, trí tuệ độc giả.  + Đọc văn học cho phép độc giả có những cách cụ thể hoá khác nhau, diễn giải khác nhau về hình tượng trong tác phẩm. Tất cả những điều này làm cho thế giới hình tượng trở nên có tính chất mở, phát triển phong phú thêm lên qua từng trường hợp đọc.  - Nhận xét về giọng văn: Nếu những đoạn khác chủ yếu thiên về diễn giải, sử dụng kiểu câu trần thuật thì trong đoạn (5), tác giả sử dụng linh hoạt lí lẽ theo nhiều hình thức: đặt ra vấn đề giải đáp, nhấn mạnh ý bằng cách sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ. Bên cạnh câu trần thuật, tác giả còn sử dụng câu hỏi và câu cảm thán. Cụ thể:  + Việc nêu vấn đề bằng hình thức câu hỏi: *Tại sao khi đọc sách ta bỗng toàn tâm toàn suy nghĩ vào những điều chưa bao giờ nghĩ tới?* và trả lời khiến giọng văn mang tính đối thoại sinh động, thu hút sự chú ý của người đọc.  + Việc sử dụng câu cảm thán đúng mức khiến lời văn nghị luận không khô khan mà cảm xúc, khiến VB không chỉ tác động vào lí trí mà còn tác động vào trái tim người đọc  + Việc sử dụng điệp ngữ cho nên tạo điểm nhấn cho giọng văn, khiến người đọc chú ý và cách diễn giải của tác giả. |
| **NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6) trong văn bản**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Em hãy chỉ ra mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6). Mối quan hệ đó làm rõ ý nghĩa gì của việc đọc văn?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  (\*) Để đi đến kết luận ngoài việc cắt nghĩa về đọc văn và học văn, người viết còn nêu lên hai bằng chứng về tác dụng của đọc văn đối với Đỗ Phủ và M. Go-rơ-ki. Đỗ Phủ và M. Go-rơ-ki đều là những nhà thơ, nhà văn lớn, có nhiều thành tựu trong sự nghiệp sáng tác. Việc đưa ra bằng chứng về những nhà thơ, nhà văn ấy đã giúp luận điểm của tác giả thuyết phục hơn. | **5. Mối quan hệ giữa đoạn (5) và đoạn (6) trong văn bản**  - Quan hệ của đoạn (5) và đoạn (6) là quan hệ nhân quả. Đoạn (5) nguyên nhân, chỉ ra đọc văn là hiện tượng diệu kì, trong quá trình đọc văn, người đọc đã hoá thân vào tác phẩm. Đoạn (6) thể hiện kết quả, nhờ quá trình hoá thân ấy mà người đọc khám sâu sắc hơn về bản thân mình, trưởng thành hơn trong nhận thức, tình cảm, ứng xử....  - Ý nghĩa của việc đọc văn (\*).  + Đối với HS, đọc văn là nền tảng của học văn, muốn học giỏi văn phải bắt đầu băng đọc văn.  + Đối với độc giả nói chung, đọc văn giúp *"tự phát hiện ra mình và lớn lên”*. |
| **NV6: Hướng dẫn học sinh Chia sẻ, kết nối**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Trong đoạn (4) có câu: “Thưởng thức văn học cũng có quy luật.”. Câu văn đó nhắc nhở em điều gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **6. Chia sẻ, kết nối**  Câu: *“Thưởng thức văn học cũng có quy luật”* đã nhắc nhở người đọc được tự do tiếp nhận nhưng không thể tuỳ tiện. Người đọc vẫn cần căn cứ vào những tín hiệu thẩm mĩ, ngôn từ, hình tượng,...để giải mã văn bản. Chính điều này khiến sự tiếp nhận của người đọc về VB tuy phong phú, đa dạng nhưng vẫn có nhiều điểm gặp gỡ. |

**4. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs làm việc cá nhân.*  *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản theo PHT số 8*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời.  - Hs khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **IV. Tổng kết**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | VB bàn luận về bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn: Đọc văn là thông qua văn bản văn học mà đọc hiểu được thế giới và cuộc đời, đi tìm ý nghĩa nhân sinh, ý nghĩa cuộc đời qua văn bản văn học. | - Lập luận chặt chẽ  - Sử dụng đa dạng các kiểu câu tạo ra giọng văn linh hoạt.  - Biện pháp điệp ngữ. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi ...

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Câu 1: Luận đề của văn bản Đọc văn - cuộc chơi tìm ý nghĩa là gì?  **A. Bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn**  B. Đọc văn là một quá trình quan trọng của phê bình văn học.  C. Đọc văn là bước đầu tiên trong việc tìm hiểu một văn bản văn học.  D. Đọc văn chỉ quan trọng với những nhà phê bình văn học.  Câu 2: Trần Đình Sử đã so sánh đọc văn với cái gì?  A. Trò chơi đuổi mắt bắt dê.  **B. Trò chơi ú tim.**  C. Trò chơi đuổi bắt.  D. Trò chơi kéo co.  Câu 3: Theo tác giả, khi đọc văn cần phải phụ thuộc vào những yếu tố nào?  A. Cấu tạo của văn bản, nội dung của văn bản và hình tượng văn bản.  B. Cấu tạo của văn bản, hình tượng và các biện pháp tu từ trong văn bản.  C. Cấu tạo của văn bản, ngôn từ và cá tính tác giả trong văn bản.  **D. Cấu tạo của văn bản, ngôn từ và hình tượng của văn bản.**  Câu 4: Câu văn nào dưới đây cho ta biết rằng ý nghĩa của văn bản văn học thường không cố định?  A. Ý nghĩa của văn học không chỉ nằm trong văn bản, mà còn nằm trong mối liên hệ nhiều mặt giữa văn bản với cuộc đời.  B. Vì thế ngoài văn bản, phải tìm hiểu lịch sử, văn hóa, tâm lí,… mới thực sự là đọc hiểu văn bản nghệ thuật.  **C. Lí thuyết đọc ngày nay cho thấy ý nghĩa của văn học không ngừng biến động, lớn lên, tùy vào cách người ta thiết lập mối liên hệ giữa các loại văn bản với nhau.**  D. Vậy nên cuộc đi tìm ý nghĩa không có hồi kết thúc.  Câu 5: Theo Trần Đỉnh Sử, tác phẩm văn học có vai trò gì trong mối quan hệ giữa tác giả và độc giả?  A. Kéo dài khoảng cách giữa tác giả và độc giả.  B. Khiến người đọc có thể hiểu được suy nghĩ, tâm tư của tác giả.  C. Biến độc giả thành tác giả.  **D. Xóa bỏ ranh giới giữa độc giả và tác giả.**  Câu 6: Đọc văn và học văn có mối quan hệ như thế nào?  A. Đọc văn là quá trình của việc học văn.  **B. Đọc văn là nền tảng của việc học văn.**  C. Đọc văn là bước đầu tiên của việc học văn.  D. Đọc văn là bước cuối cùng của việc học văn.  Câu 7: Thế nào là thưởng thức văn học cũng có quy luật?  A. Có một quy luật chung cho cách đọc tất cả các loại văn bản văn học.  **B. Người đọc văn phải căn cứ vào một số yếu tố của văn bản như cấu tạo, ngôn ngữ, hình tượng để lí giải, phân tích, bình giảng, bình luận văn bản.**  C. Người đọc văn có thể tuân theo sự tự do và sở thích, tư duy của mình để lí giải văn bản.  D. Người đọc văn phải tuân theo hướng tư duy của tác giả để đọc văn bản.  Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi 8 đến 10:            Đọc văn là nền tảng của học văn. Học văn là học năng lực cảm thụ văn, bồi dưỡng thị hiếu văn, tiếp nhận kiến thức văn hóa văn, rèn luyện năng lực biểu đạt, sáng tạo văn. Đỗ Phủ đã nói: “Đọc rách vạn quyển sách/ Hạ bút như có thần”. M. Go-rơ-ki đã kể chuyện ông đọc nhiều như thế nào trước khi thành nhà văn lớn. Muốn học giỏi văn phải bắt đầu bằng đọc văn. […] Phải đọc văn để người đọc tự phát hiện ra mình và lớn lên.  Câu 8: Tác giả đã sử dụng mấy dẫn chứng thực tế để làm sáng tỏ luận điểm của đoạn văn?  **A. 2.**  B. 3.  C. 1.  D. 4.  Câu 9: Đoạn văn kết cấu theo kiểu nào?  A. Song hành.  **B. Diễn dịch.**  C. Quy nạp.  D. Tổng phân hợp.  Câu 10: Cách nêu bằng chứng trong đoạn này là gì?  A. Nêu bằng chứng trực tiếp.  B. Nêu bằng chứng gián tiếp.  **C. Kết hợp nêu bằng chứng trực tiếp lẫn gián tiếp.**  D. Tất cả các đáp án trên đều sai.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs viết đoạn văn .

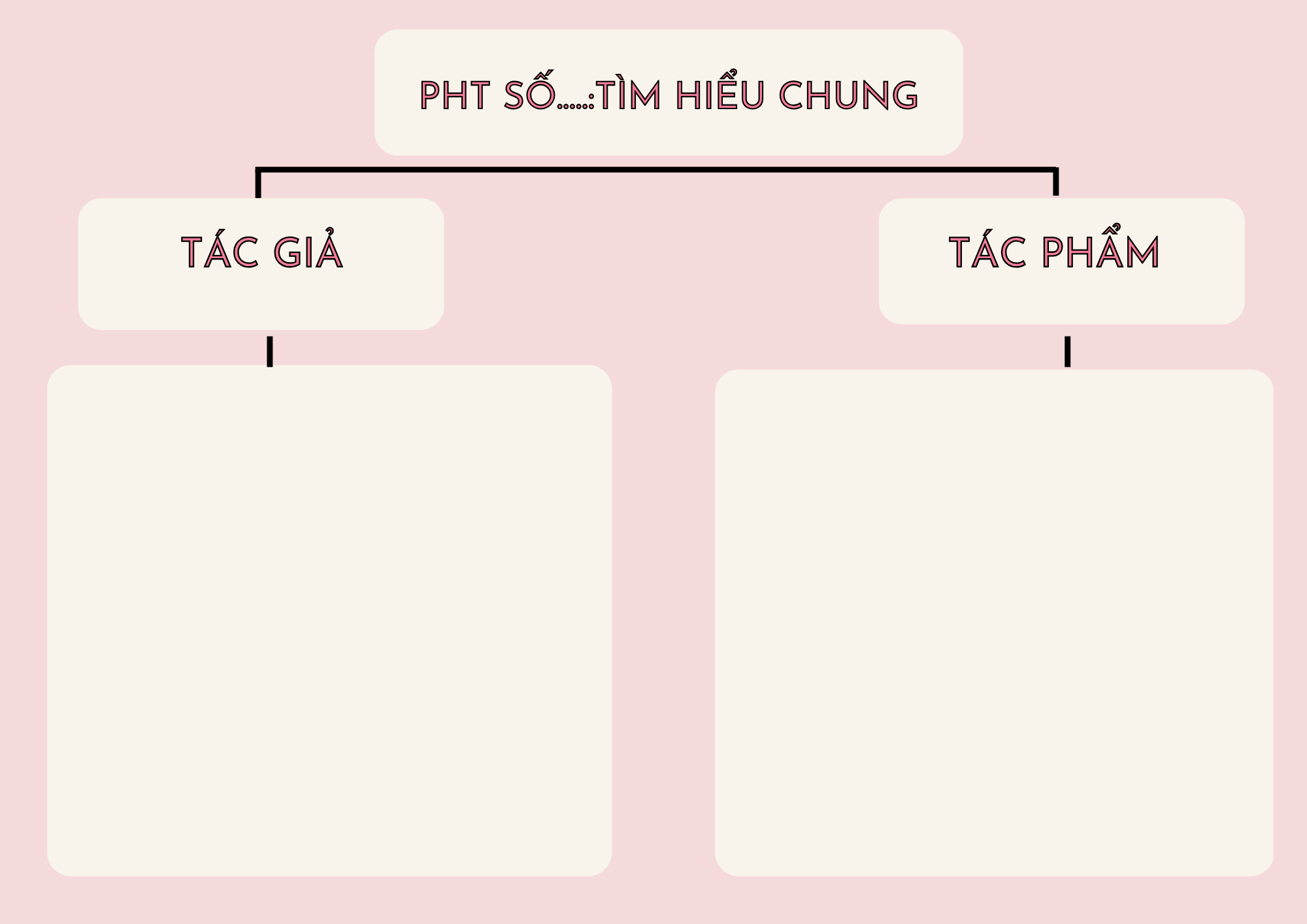
**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

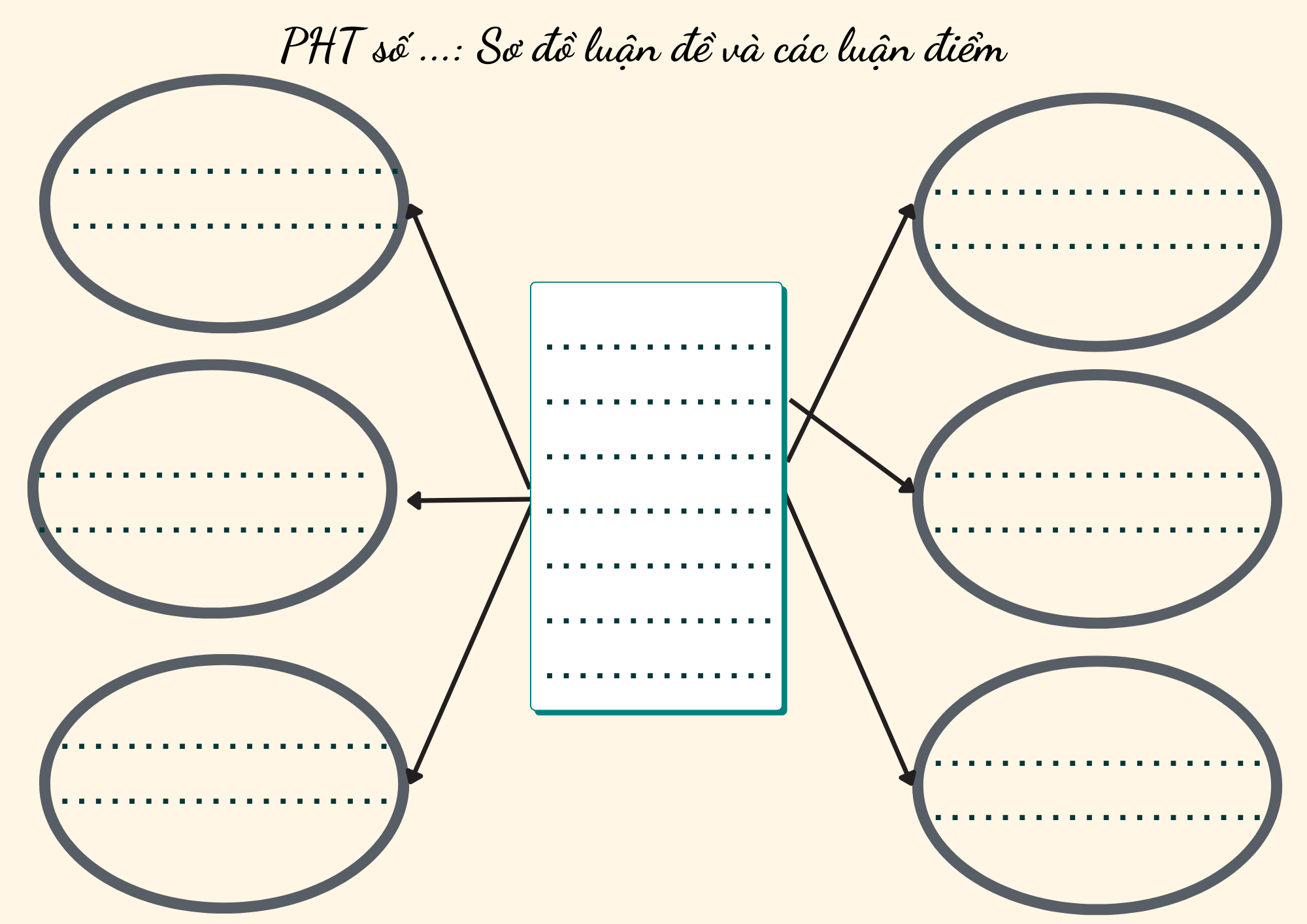
|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: [*Vì sao có thể nói “không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong”? Em hãy viết đoạn văn (khoảng 7 – 9 câu) trả lời câu hỏi đó.*](https://www.vietjack.com/soan-van-lop-8-kn/khong-ai-co-the-doc-tac-pham-mot-lan-la-xong.jsp)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | Đoạn văn tham khảo  Không ai có thể đọc tác phẩm một lần là xong. Bởi lẽ, ẩn sau mỗi tác phẩm văn học là những bài học đa tầng có mối liên hệ đa dạng với nhiều mặt khác nhau của đời sống. Nó có thể được thể hiện một cách trực tiếp nhưng cũng có thể được thể hiện một cách gián tiếp qua những câu chuyện, lời nói, những câu văn, câu thơ hay từng dấu câu được tác giả sử dụng. Đọc một lần, chúng ta có thể nắm khái quát được nội dung của của tác phẩm nhưng không một ai dám khẳng định mình hiểu sâu, hiểu kỹ từng chi tiết, dụng ý của tác giả ẩn sau những câu văn, câu thơ... Vì vậy mà khi đọc một tác phẩm bất kì nào đó, chúng ta phải đọc nhiều lần, ngẫm nghĩ thật nhiều để cảm nhận được hết cái hay, cái thú vị ẩn sau mỗi tác phẩm. Từ đó, dần hình thành và bồi đắp nhân sinh quan, thế giới quan, hiểu hơn về chính mình và thế giới xung quanh. |

**IV. Phụ lục**

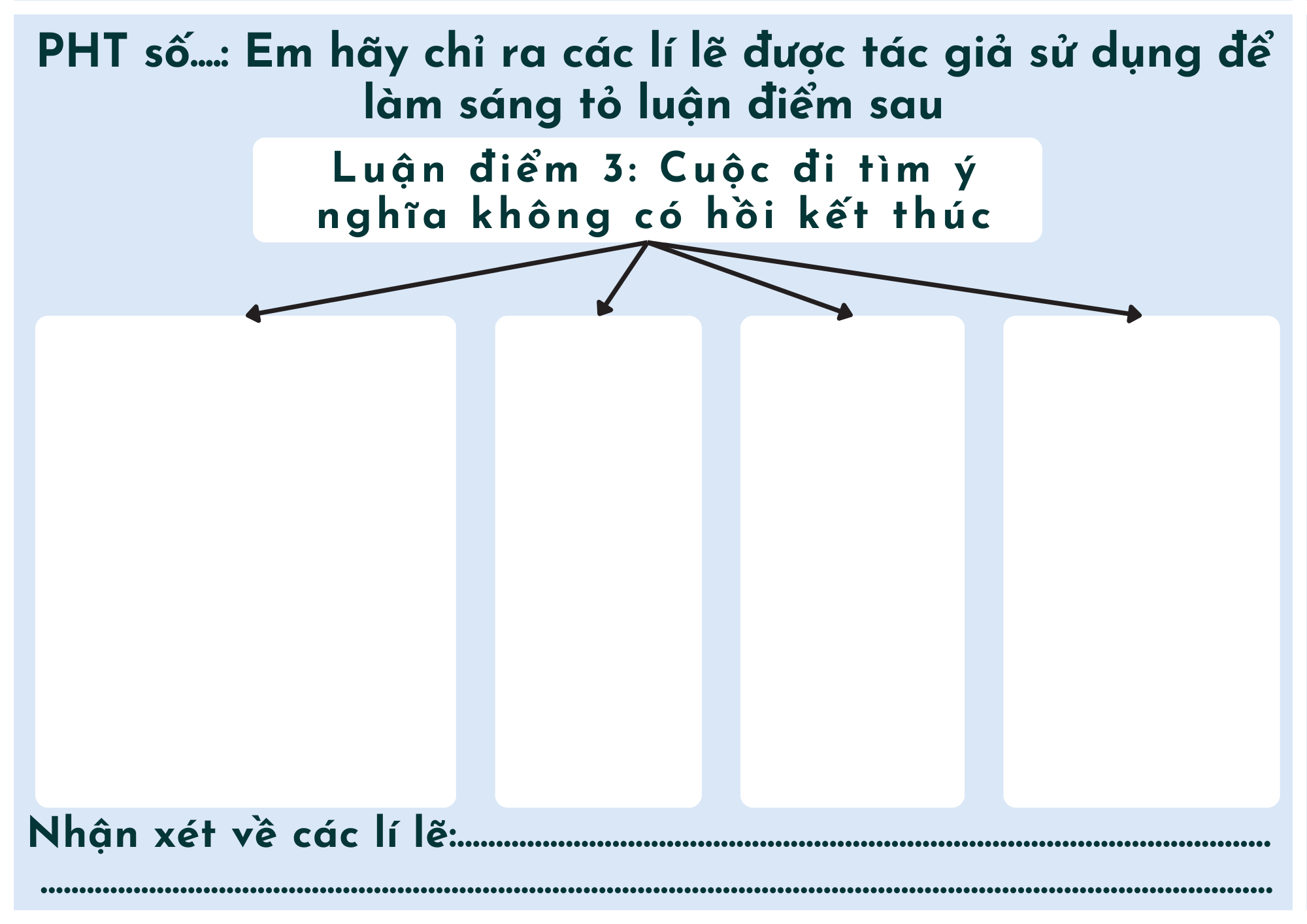
**PHT SỐ 2**

****

**PHT số 4**

****

**PHT số 5**

****

**BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

**Tiết theo PPCT: 105**

**THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT: THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**(Thành phần gọi-đáp và thành phần chêm xen)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học).

- HS nhận biết được hai thành phần biệt lập: gọi – đáp và chêm xen (phụ chú).

- HS xác định được chức năng của thành phần gọi - đáp và thành phần chêm xen (phụ chú); biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập VB.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

- Chăm chỉ và có trách nhiệm với việc học.

**3. Kiến thức**

Khái niệm, chức năng của hai thành phần biệt lập: gọi – đáp và chêm xen (phụ chú).

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT;

- Tranh ảnh ;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Kích hoạt kiến thức nền.

**b. Nội dung:** Hs trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:**  *Những từ in đậm trong các ví dụ sau có vai trò gì?*  *+ "* ***Bầu ơi*** *thương lấy bí cùng*  *Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn. "*  *+ Cô bé nhà bên* ***(có ai ngờ)***  *Cũng vào du kích*  *Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích*  *Mắt đen tròn* ***(thương thương quá đi thôi).***  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động**  1 - 2 HS trình bày, các HS khác nghe, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  Gv dẫn dắt vào bài mới: Những từ in đâm mà các em vừa phân tích được gọi là thành phần gọi – đáp và thành phần chêm xen. | + "**Bầu ơi** thương lấy bí cùng  Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn. "  🡪 **Bầu ơi** dùng để gọi – đáp  + Cô bé nhà bên **(có ai ngờ)**  Cũng vào du kích  Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích  Mắt đen tròn **(thương thương quá đi thôi).**  🡪 **(có ai ngờ), (thương thương quá đi thôi)** dùng để bổ sung ý nghĩa cho từ phía trước. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH** **KIẾN THỨC**

**a. Mục tiêu:**

Hs nhận biết khái niệm, chức năng của hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

**b. Nội dung:** GV trình bày vấn đề.

**c. Sản phẩm:** câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + Hs thảo luận PHT số 1.   |  | | --- | | ***Ví dụ 1:***  *- Anh Mên ơi, anh Mên!*  (Nguyễn Quang Thiều, Bầy chim chìa vôi)  ***Ví dụ 2:***  - *Dòng suối trong trẻo của thầy* – thầy âu yếm nhìn tôi – *em thông minh lắm!.*  (Trin-ghi-dơAi-tơ-ma-tốp, Người thầy đầu tiên)  *(1) Xác định thành phần phụ chú và gọi – đáp và thành phần chêm xen trong các ví dụ trên.*  *(2) Dựa vào dấu hiệu nào để em nhận biết được đó là thành phần gọi – đáp và chêm xen.*  *(3) Theo em, thành phần gọi – đáp và chêm xen đó có vai trò gì?* |   *+ Từ kết quả phân tích ví dụ, em hãy rút ra được dấu hiệu nhận biết, chức năng của thành phần gọi – đáp và thành phần chêm xen.*  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, hỗ trợ.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **I. Tri thức tiếng Việt**  **1. Ví dụ**  (1)  - Ví dụ 1: Thành phần gọi – đáp :ơi  - Ví dụ 2: Thành phần chêm xen: thầy âu yếm nhìn tôi.  (2) Dấu hiệu nhận biết  - Ví dụ 1 (thành phần gọi – đáp): Có từ ơi  - Ví dụ 2 (thành phần chêm xen): được đặt trong dấu ngoặc đơn, giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc giữa dấu gạch ngang và dấu phẩy  (3) Chức năng  - *Vâng* là thành phần gọi - đáp mà Mon dùng để gọi Mên.  - *Thầy âu yếm nhìn tôi* là thành phần chêm xen, có tác dụng làm rõ thái độ, tình cảm của nhân vật.  **2. Kết luận**  - Thành phần gọi - đáp: thành phần được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp, được đánh dấu bằng những từ ngữ gọi – đáp như: ơi, thưa, dạ, vâng,...  - Thành phần chêm xen (phụ chú): thành phần được dùng để bổ sung, làm rõ thêm một đối tượng nào đó trong câu. Thành phần này thường được đặt trong dấu ngoặc đơn, giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc giữa dấu gạch ngang và dấu phẩy. Cũng có khi, thành phần chêm xen còn được đặt sau dấu hai chấm. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:**

- HS nhận biết được hai thành phần biệt lập: gọi – đáp, chêm xen.

- HS xác định được chức năng của thành phần gọi – đáp, chêm xen, biết vận dụng để tiếp nhận và tạo lập VB.

**b. Nội dung:** Sử dụng sgk, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung trả lời của các bài tập.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm.  *+ Nhóm 1: Bài 1*  *+ Nhóm 2: Bài 2*  *+ Nhóm 3: Bài 3*  ***Bài tập******1:***Tìm thành phần gọi – đáp trong các câu sau và cho biết chức năng của chúng.  a. – Sợ gì? Mày bảo tao sợ cái gì? Mày bảo tao còn biết sợ ai hơn tao nữa?  - Thưa anh, thế thì, … hừ hừ … em xin sợ. Mời anh cứ đùa một mình thôi.  (Tô Hoài, Dế Mèn phiêu lưu kí)  b. Ê, đồ quỷ! – Nét Len vừa quát vừa nện chân xuống vỏ tàu.  vỏ tàu.  (Giuyn Véc-nơ, Cuộc chạm trán trên đại dương)  c. Cậu bé ơi, ở đây ngày nào người ta chẳng bán đến hàng nghìn con lạc đà!  (Đa-ni-en Pen-nắc, Mắt sói)  ***Bài tập*** **2.** Tìm thành phần chêm xen trong các câu sau và cho biết chúng làm rõ thêm nội dung gì.  a. Hàng vạn người đọc rất tinh, đã thuộc ba bài thu này, mà không thuộc được các bài thu khác (của các tác giả khác)  (Xuân Diệu, Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam)  b. Có về thăm “Vườn Bùi chốn cũ” – đây là “xứ Vườn Bùi” theo đồng bào gọi cả vùng Trung Lương nằm trong xã Yên Đổ cũ, chứ không phải chỉ là khu vườn của nhà ở cụ Nguyễn Khuyến – mới càng hiểu rõ bài “Ao thu lạnh lẽo nước trong veo”  (Xuân Diệu, Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam)  c. Chiều hôm đó, bọn mèo ngạc nhiên khi không thấy con hải âu xuất hiện để xơi món yêu thích – món mực ống mà Xe-cret-ta-ri-ô chôm được từ bếp nhà hàng.  (Lu-I Xe-pun-ve-da, Chuyện con mèo dạy hải âu bay)  d. Đọc văn (phân tích, bình giảng, bình luận) tất yếu phải tôn trọng văn bản, từ ngôn từ đến hình tượng.  (Trần Đình Sử, Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa)  Bài tập 3. Tìm các thành phần biệt lập trong những câu sau và xác định đó là loại thành phần biệt lập nào.  a. Và hẳn vì buồn nên Ánh Vàng muốn được nhìn thấy những điều mới mẻ.  (Đa-ni-en Pen-nắc, Mắt sói)  b. Mùa xuân của tôi – mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – là mùa xuân có mưa riêu riêu, gió lành lạnh, có tiếng nhạn kêu trong đêm xanh, có  tiếng trống chèo vọng lại từ những thôn xóm xa xa, có câu hát huê tình của cô gái đẹp như thơ mộng…  (Vũ Bằng, Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt)  c. Này bác có lợn kia ơi! Từ lúc mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!  (Lợn cưới, áo mới)  d. Ôi những vạt ruộng vàng      Chiều nay rung rinh lúa ngả.  (Nguyễn Đình Thi, Đường núi)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung : | **II. Luyện tập**  **Bài tập 1:**  a.  - Thành phần gọi - đáp: *thưa anh.*  - Chức năng: *Thưa anh* là thành phần gọi - đáp mà Dế Choắt dùng để gọi Dế Mèn, cách gọi này thể hiện sự tôn kính của kẻ dưới với người trên.  b.  - Thành phần gọi - đáp: *ê.*  - Chức năng: *Ê* là thành phần gọi – đáp thể hiện lời gọi của Nét Len. Cách gọi này thể hiện thái độ suồng sã của Nét Len với người được gọi.  c.  - Thành phần gọi - đáp: *ơi.*  - Chức năng: *Ơi* là thành phần gọi – đáp thể hiện lời của những người qua đường gọi cậu bé  **Bài tập 2**  a.  - Thành phần chêm xen: *của các tác giả khác*  - Chức năng: làm rõ các bài thơ thu khác mà Xuân Diệu muốn nói đến là của các tác giả khác chứ không phải của Nguyễn Khuyến.  b.  - Thành phần chêm xen: đây là "*xứ Vườn Bùi"* theo đồng bào gọi cả vùng Trung Lương nằm trong xã Yên Đỗ cũ, chứ không phải chỉ là khu vườn của nhà ở cụ Nguyễn Khuyến.  - Chức năng: giải thích thêm về cụm từ Vườn Bùi chốn cũ để người đọc không hiểu nhầm về phạm vi không gian được nói đến.  c.  - Thành phần chêm xen: *món mực ống mà Xe-crét-ta-ri-ô chôm được từ bếp nhà hàng.*  *-* Chức năng: làm rõ thêm về món yêu thích của con hải âu.  d.  - Thành phần chêm xen: *phân tích, bình giảng, bình luận.*  *-* Chức năng: làm rõ hơn về các hoạt động có liên quan đến “đọc văn”, ý nói rằng phân tích, bình giảng, bình luận cũng là kết quả của việc đọc văn.  **Bài tập 3**  a. Hẳn – thành phần tình thái.  b. Mùa xuân Bắc Việt, mùa xuân của Hà Nội – thành phần chêm xen.  c. Ơi - thành phần gọi - đáp.  d. Ôi – thành phần cảm thán. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Hs viết được đoạn văn.

**b. Nội dung:** Hs thực hành làm bài tập.

**c. Sản phẩm:** Bài làm của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Viết một đoạn văn (khoảng 5 đến 7 câu) chia sẻ về lợi ích của việc đọc sách đối với bản thân em, trong đó sử dụng ít nhất một thành phần gọi – đáp hoặc chêm xen.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV tổ chức hoạt động: thu sản phẩm, đọc lướt sản phẩm.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung. | Gợi ý:  Ai đó từng nói đọc một cuốn sách hay cũng như chơi với một người bạn tốt. Chúng ta có thể học hỏi được rất nhiều điều. Sách là nguồn tri thức vô giá nhân loại. Đọc sách giúp con người có thêm những nguồn thông tin, kiến thức phong phú cũng như những kĩ năng cần thiết trong cuộc sống. Đọc một cuốn sách giúp người đọc cũng thể đem lại một bài học mới, một lối tư duy mới. Đồng thời, có những cuốn sách còn giúp con người có thêm niềm tin, sức mạnh để vượt qua những khó khăn, nghịch cảnh trong cuộc sống. Sách góp phần chữa lành tâm hồn, hay giải trí sau những giờ học tập căng thẳng. Hãy biết trân trọng sách **– người bạn đáng giá trong cuộc đời chúng ta.**  🡪 Thành phần chêm xen. |

**IV. Phụ lục**

**BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

**Tiết theo PPCT:99-100-101**

**VĂN BẢN 3: XE ĐÊM**

**(Trích, Côn-xtan-tin Pau-xtốp-xki)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học).

- Củng cố được tri thức về VB truyện.

- Cảm nhận được nhân vật An-đéc-xen ở các phương diện: chân dung, tính cách, tấm lòng nhân hậu và trí tưởng tượng bay bổng - điều khiển truyện cổ tích của ông chinh phục hàng triệu độc giả trên thế giới.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm.

**2. Về phẩm chất**

- HS hiểu được bản chất và ý nghĩa của việc đọc văn, biết tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận VB văn học của người khác.

**3. Kiến thức**

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT;

- PHT số 1,2;

- Tranh ảnh;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS định hướng được nội dung bài học; tạo được hứng thú, khơi gợi nhu cầu hiểu biết của HS; kết nối trải nghiệm của HS với nội dung VB.

**b. Nội dung:** HS lắng nghe, trả lời câu hỏi của GV/ Hs tham gia trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Suy nghĩ của HS/ Kết quả trò chơi, thái độ tham gia trò chơi của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  + Cách 1: *Truyện cổ An-đéc-xen đã rất quen thuộc với các em, qua những câu chuyện ấy, em hình dung An-đéc-xen là người như thế nào?*  *+ Cách 2: Hình ảnh sau gợi đến những tác phẩm nào? Của ai? Em biết gì về tác giả đó?*  Truyện cổ tích: Cô bé bán diêm Đọc truyện cổ tích Andersen Bà chúa tuyết  Vịt con xấu xí - Truyện cổ Andersen Bé tí hon [Truyện cổ tích Andersen] - Thế giới cổ tích  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - GV quan sát, gợi mở.  - HS suy nghĩ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt động.  - HS trình bày ý kiến, hs khác bổ sung, nhận xét (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: Các em thân mến, vậy là thông qua các câu chuyện, đặc biệt là truyện cổ tích thì chúng ta đã phần nào hình dung ra được An-đéc-xen là người như thế nào, đúng không? Vậy An-đéc-xen có thực sự giống với những gì chúng ta hình dung hay không, chúng ta sẽ giải đáp được điều này sau khi học xong bài học ngày hôm nay. Các em mở sách vở chúng ta bước vào bài mới: Văn bản 3 – Xe đêm của Côn- xtan-tin Pau-xtốp-ki. | Gợi ý:  - Cách 1: Truyện cổ An-đéc-xen đã rất quen thuộc với các em, qua những câu chuyện ấy, em hình dung An-đéc-xen là người có tấm lòng vị tha, bao dung và nhân hậu.  - Cách 2:  + Cô bé bán diêm.  + Bà chúa tuyết.  + Vịt con xấu xí.  + Cô bé tí hon.  🡪 Những truyện cổ của An-đéc-xen. |

**B. HOẠT ĐỘNG** **HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**1. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Đọc văn bản và thực hiện một số kĩ thuật đọc thông qua việc trả lời một số câu hỏi trong khi đọc.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Gv hướng dẫn cách đọc.*  *+ Hs báo cáo dự án về tác giả, tác phẩm (đã được phân công từ trước, mỗi tổ sẽ báo cáo về một tác giả bằng các hình thức khác nhau, hs gửi sản phẩm vào nhóm lớp trước khi bắt đầu tiết học) (Hs hoàn thành theo PHT số 1).*  - HS lắng nghe, tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Hs làm việc cá nhân/nhóm.  - GV quan sát.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **I. Đọc văn bản và tìm hiểu chung**  **1. Đọc**  - Khi đọc lời dẫn truyện cần đọc nhẹ nhàng, truyền cảm, phù hợp với giọng văn lãng mạn, trữ tình của Pau-xtốp-xki.  - Với các nhân vật khác, đọc đúng giọng điện của nhân vật.  + giọng nghiêm khắc của nhân vật nhà tu hành.  + giọng dịu dàng của thiếu phụ E-lê-na.  + giọng hồn nhiên, vui tươi của các cô gái đi nhờ xe  + giọng khi thì điềm đạm dịu dàng, lúc thủ thỉ, tâm tình, khi lại tràn đầy hứng khởi, vui tươi của An-đéc-xen.  **2. Tìm hiểu chung**  **a. Tác giả**  - Côn-xtan-tin Pau-xtốp-ki (1892-1968) là nhà văn Nga nổi tiếng.  - Truyện ngắn của ông mang chất thơ nhẹ nhàng, tinh tế, khơi dậy ở người đọc sự rung cảm trước những vẻ đẹp bình dị, khuất lấp, dễ bị lãng quên trong đời sống.  - Một số tác phẩm của ông đã được dịch ra bằng tiếng Việt: Cô gái làm ren (1958), Chiếc nhẫn bằng thép (1973), Một mình với mùa thu (1980), …  **b. Tác phẩm**  Xe đêm là một trong những truyện ngắn tiêu biểu của Pau-xtốp-ki. Truyện gửi gắm thông điệp về sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó trong văn chương cũng như trong đời sống. |

**3. Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố được tri thức về VB truyện.

- Cảm nhận được nhân vật An-đéc-xen ở các phương diện: chân dung, tính cách, tấm lòng nhân hậu và trí tưởng tượng bay bổng - điều khiển truyện cổ tích của ông chinh phục hàng triệu độc giả trên thế giới.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, đọc văn bản theo sự hướng dẫn của GV.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về chân dung nhân vật An-đéc-xen**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  *Chân dung nhân vật An-đéc-xen hiện lên qua những chi tiết nào? Hãy nêu nhận xét của em về nhân vật.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, thảo luận.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi/ trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **II. Khám phá văn bản**  **1. Chân dung nhân vật An-đéc-xen**  - Ngoại hình: Trong thực tế, An-đéc-xen là người xấu trai, cao kều, nhút nhát. Trong tưởng tượng, ông luôn hình dung mình là người đẹp trai, trẻ trung, hoạt bát, tự nhận mình “có mái tóc rậm, lượn sóng”, gương mặt “rám nắng”, đôi mắt xanh “lúc nào cũng ánh cười”, …Ông tự nhận mình là một nhà tiên tri, đoán được tương lai và nhìn thấu được bóng tối, cũng xem mình là một hoàng tử bất hạnh như Hăm-lét.  🡪 Chi tiết này cho thấy An-đéc-xen có phần tự ti với ngoại hình và thực tế của bản thân, luôn khát khao hướng đến những điều tốt đẹp, theo đuổi sự hoàn mĩ và lãng mạn.  - Hành động trả số tiền còn thiếu cho các cô gái, yêu cầu người lái xe không thô lỗ và lảm nhảm với khách.  🡪 Chi tiết này cho thấy An-đéc-xen là người tốt bụng, hào phóng, biết cư xử lịch thiệp và sẵn sàng giúp đỡ người khác.  - Nhiệt tình trò chuyện với các cô gái, tiên đoán về tương lai của họ.  🡪 Chi tiết này cho thấy An-đéc-xen có trí tưởng tượng phong phú, luôn có sẵn các câu chuyện trong đầu, chỉ cần một gợi ý là có thể chắp cánh cho trí tưởng tượng của ông bay xa.  - Đem đến niềm vui cho cháu bé ở xứ Guýt-len:  🡪 Chi tiết này cho thấy An-đéc-xen là người yêu và hiểu trẻ thơ, biết đem đến niềm vui và hạnh phúc cho trẻ thơ bằng những hành động đầy sáng tạo. |
| **NV2: Hướng dẫn Hs tìm hiểu về tình cảm mà An-đéc-xen dành cho các cô gái**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: Hs thảo luận nhóm đôi theo PHT số 2:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tiên đoán về Ni-cô-li-na** | **Tiên đoán về Ma-ri-a** | **Tiên đoán về An-na** | |  |  |  | | Mong ước, tình cảm của An-đéc-xen | | |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **2. Tình cảm mà An-đéc-xen dành cho các cô gái**  - Với Ni-cô-li-na, An-đéc-xen tiên đoán “nếu chẳng may có chuyện gì không lành xảy ra với người yêu của cô, cô sẽ chẳng đắn đo suy nghĩ, lên đường, vượt qua ngàn dặm, qua núi tuyết và sa mạc khô cằn để gặp chàng, cứu chàng khỏi cơn nguy khốn”.  - Với Ma-ri-a, An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ “gặp được một người xứng đáng với trái tim nhiều mong muốn của cô”, và người đó “tất nhiên phải là một người tuyệt vời”, “có một tâm hồn lớn lao”.  - Với An-na, An-đéc-xen tiên đoán cô sẽ hạnh phúc với sự bận bịu khi chăm sóc những đứa con và chồng tương lai sẽ “đỡ cô một tay trong việc đó”.  🡪 Có thể thấy trong lời tiên tri, An-đéc-xen đã gửi gắm tình cảm đôn hậu, dịu dàng, mong muốn các cô gái đều có tương lai tốt đẹp. Ông mong ước các cô gái mới quen có một cuộc đời hạnh phúc, đặt niềm tin vào cuộc sống, tình cảm mà ông dành cho các cô là sự mến mộ đầy chân thành, tha thiết. Những cô gái xinh đẹp có thể tìm kiếm hạnh phúc cho riêng mình, bởi vẻ đẹp của họ đủ để họ có được hạnh phúc.  🡺 Chính lời tiên tri đẹp đẽ và dịu dàng của An-đéc-xen đã thôi thúc hành động của các cô gái, khích lệ họ đi tìm hạnh phúc cho riêng mình. |
| **NV3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về chi tiết niềm vui mà An-đéc-xen mang đến cho cháu bé trong gia đình kiểm lâm xứ Giuýt-len**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ:  *+ An-đéc-xen đã kể lại hành động nào của bản thân mà ông cho rằng “nông nổi cốt ao cho những người gần gũi cũng được vui”?*  *+Trước câu chuyện của An-đéc-xen, người nghe có nhiều thái độ, biển hiện khác nhau. Nhà tu hành, các cô gái có thái độ hoặc biểu hiện như thế nào đối với câu chuyện mà ông kể ở xứ Giuýt-len?*  *+ An-đéc-xen đã đưa ra ý kiến gì trước phản ứng của nhà tu hành? Em hiểu như thế nào về ý kiến đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **3. Tìm hiểu chi tiết niềm vui mà An-đéc-xen mang đến cho cháu bé trong gia đình kiểm lâm xứ Giuýt-len**  - Hành động của An-đéc-xen: giấu các món quà dưới gốc các cây nấm và rủ con gái người gác rừng tới đó và nói rằng tất cả những thứ ấy là do những chú lùn cất giấu.  🡪 Mang lại niềm vui, sự bất ngờ cho cô bé  - Phản ứng của mọi người khi nghe câu chuyện  + Nhà tu hành kết tội An-đéc-xen đã *"đánh lừa một sinh thể ngày thơ”,* cho rằng đó là "một tội lỗi lớn.  🡪 Nhà tu hành đã nhìn câu chuyện từ quan điểm đạo đức khô cứng và già cối, cũ kĩ nên chỉ thấy bé ngoài của hiện thực, ông không hiểu được thế giới diệu kì mà An-đéc-xen đem đến cho trẻ thơ.  + Các cô gái thì *“ngồi không nhúc nhích như bị mê hoặc”*.  🡪 Họ tiếp tục bị những câu chuyện của An-đéc-xen chinh phục, tìm thấy sức hấp dẫn trong những câu chuyện đó.  - Câu trả lời của An-đéc-xen: *"trái tim bé sẽ không dễ bị trơ lì như với những người chưa từng chứng kiến chuyện cổ tích như thế*”  + “Trơ lì” là trạng thái con người không còn biết xúc động, rung cảm, là sự vô tâm, vô cảm trước những niềm vui, nỗi buồn những cảnh ngộ của cuộc đời. Đó là trạng thái rất nguy hiểm trong sự trưởng thành của mỗi người, đặc biệt nếu điều đó lại xảy ra với những đứa trẻ - lứa tuổi hồn nhiên, vô tư nhất đáng được sống trong thế giới tưởng tượng bay bổng nhất.  + Câu trả lời của An-đéc-xen giàu sức thuyết phục, bởi ông đã xuất phát từ sức mạnh của trí tưởng tượng lãng mạn, bay bổng. Ông hiểu những câu chuyện cổ tích có tác dụng lớn trong việc nuôi dưỡng sự hồn nhiên, ngây thơ, chắp cánh cho trí tưởng tượng của trẻ thơ. Vì thế ông dành cả đời để dùng trí tưởng tượng của mình đem đến hạnh phúc cho con người, khiến con người có đủ sức mạnh và hứng khởi để tìm kiếm cái đẹp, và làm cho thế giới bớt tàn nhẫn, bớt khô khan hơn. |
| **NV4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu vai trò của trí tưởng tượng trong trong việc viết truyện cổ tích**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: *Truyện cổ An-đéc-xen đã chinh phục hàng triệu trái tim độc giả. Theo em, trí tưởng tượng đã giúp ích như thế nào cho An-đéc-xen trong việc viết truyện cổ tích?*  Thảo luận – Khăn trải bàn – Reading Habit  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **4. Vai trò của trí tưởng tượng trong trong việc viết truyện cổ tích**  - Trí tưởng tượng phong phú, bay bổng.  + là một trong những nguyên nhân tạo nên sự thành công, hấp dẫn cho truyện cổ của An-đéc-xen.  + Trong tác phẩm của ông, những mái nhà tuyết trắng, những cánh rừng xanh thẳm, nàng tiên cá nhỏ giữa biển cả bao la, cô bé mỗi lần quẹt một que diêm là một lần thắp lên mong ước.... đều được viết nên từ trí tưởng tượng diệu kì.  + Trong thế giới của ông, mặt trời, mặt trăng, hoa hồng.... không phải là những sự vật vô tri vô giác, mà đều là những sinh thể có hồn, truyền cho người đọc cảm nhận về những vẻ đẹp muôn màu của cuộc sống.  - Trí tưởng tượng đã giúp An-đéc-xen:  + Tạo ra những hình ảnh thiên nhiên, cuộc sống bay bổng, diệu kì, sáng tạo ra những tình huống thú vị, hấp dẫn.  + Hoá thân vào nhân vật, cất lên tiếng nói bên trong, khiến nhân vật vừa chân thực, vừa kì ảo  + Đến gần hơn với thế giới tâm hồn trẻ thơ, nhìn cuộc sống qua lăng kính trẻ thơ. |
| **NV5: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu Tình cảm, thái độ của người viết đối với nhân vật**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: *Qua đoạn trích, em nhận ra tình cảm, thái độ gì của nhà văn Pau-xtốp-xki đối với nhà văn An-đéc-xen?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **5. Tình cảm, thái độ của người viết đối với nhân vật**  - Tình cảm, thái độ mà Pau-xtốp-xki dành cho An-đéc-xen là sự đồng cảm, trân trọng của một nhà văn đối với một nhà văn khác. Tình cảm, thái độ đó được thể hiện:  + Pau-xtốp-xki có sự hiểu biết về cuộc đời của An-đéc-xen. Nhân vật An-đéc-xen trong câu chuyện thấp thoáng bóng dáng của An-đéc-xen ngoài đời, từ ngoại hình, tính cách để những tưởng tượng, suy tư.  + Nhân vật An-đéc-xen trong cảm nhận của Pau-xtốp-xki hiện lên tràn đầy vẻ đẹp lãng mạn, nhân hậu, mang trái tim trong sáng, đầy ắp tình yêu, hứng khởi với con người, các sống, đặc biệt là với trẻ thơ.  + Phải rất đồng điệu với tâm hồn và hiểu con người, hiểu sáng tác của An-đéc-xen thì Pau-xtốp-xki mới có thể diễn tả tinh tế về trạng thái, cảm hứng mà An-đéc-xen trải nghiệm qua mỗi lần sáng tác, so sánh trạng thái ấy với thế giới tươi đẹp và kì diệu ẩn chứa trong chiếc rương thần, hiểu lí tưởng của An-đéc-xen là ca tụng cái đẹp ở bất cứ nơi nào ông gặp. |
| **NV6: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về nghệ thuật**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  GV chuyển giao nhiệm vụ: *Theo em, nghệ thuật của đoạn trích có gì nổi bật?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  - Gv quan sát, cố vấn.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ** | **6. Nghệ thuật**  - Xây dựng cốt truyện hấp dẫn, sáng tạo được tình huống đắc địa để làm nổi bật vẻ đẹ nhân vật (đặc biệt là hai tình huống: cuộc trò chuyện với ba cô gái đi nhờ xe và đem đến niềm vui cho con gái người gác rừng xứ Giuýt-len).  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật:  + Kết hợp hiện thực và tưởng tượng, nhân vật An-đéc-xen hiện lên qua cả những dấu ấn trong đời thực và những tưởng tượng, hư cấu.  + Nhân vật hiện lên vừa sống động, sắc nét qua lời đối thoại, vừa có chiều sâu qua lời người kể chuyện.  - Ngôn ngữ trong sáng, thấm đẫm chất thơ.  - Nghệ thuật tạo dựng không gian, thời gian trong truyện độc đáo: Pau-xtốp-xki bao phủ câu chuyện trong màn đêm. Không gian truyện đấy chất thơ: một chuyến xe đêm, hạt mưa lất phất, đường có uốn lượn, tiếng sỏi lạo xạo dưới chân, sự tĩnh lặng gần như tuyệt đối, không có âm thanh nào ngoài tiếng thì thầm của lá cây và những giọt mưa. Sự tĩnh lặng bao phủ của màn đêm và không gian nên thơ ấy giống như đôi cánh nâng đỡ cho trí tưởng tượng bay bổng của con người. |

**3. Hoạt động tổng kết**

**a. Mục tiêu:**

Khái quát lại nội dung nghệ thuật của văn bản;

**b. Nội dung:** Giáo viên phát PHT, học sinh làm việc cá nhân.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS bằng ngôn ngữ nói, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Hs làm việc cá nhân.*  *Khái quát nghệ thuật và nội dung văn bản theo PHT số 3.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - Gv quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Hs trả lời.  - Hs khác lắng nghe, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv nhận xét, bổ sung, chốt lại. | **IV. Tổng kết**   |  |  | | --- | --- | | ***Nội dung*** | ***Nghệ thuật*** | | Truyện gửi gắm thông điệp về sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó trong văn chương cũng như trong đời sống. | - Cốt truyện hấp dẫn, sáng tạo được tình huống đắc địa  - Ngôn ngữ trong sáng, thấm đẫm chất thơ.  - Nghệ thuật tạo dựng không gian, thời gian trong truyện độc đáo  - Nghệ thuật xây dựng nhân vật có sự kết hợp hiện thực và tưởng tượng... | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi ...

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ:  Câu 1: Tác giả của tác phẩm Xe đêm là nhà văn nước nào?  A. Đức.  B. Pháp.  **C. Nga.**  D. Mỹ.  Câu 2: Tác phẩm Xe đêm thuộc thể loại gì?  **A. Truyện ngắn.**  B. Tiểu thuyết.  C. Cổ tích.  D. Tự truyện.  Câu 3: Đâu là phong cách sáng tác của tác giả?  **A. Chất thơ nhẹ nhàng tinh tế, khơi dậy sự rung cảm trước vẻ đẹp bình dị, dễ bị lãng quên trong cuộc sống.**  B. Hướng vào cuộc sống cơ cực của những người dân thành thị nghèo và vẻ đẹp nên thơ của cuộc sống thường nhật.  C. Lắng đọng và đầy suy tư, đồng thời mang trong mình tình cảm yêu thương.  D. Độc đáo, tài hoa, sự hiểu biết phong phú trong nhiều lĩnh vực và vốn ngôn ngữ giàu có, điêu luyện.  Câu 5: Chân dung nhân vật An - đéc - xen hiện lên qua những chi tiết nào?  A. Chàng rất xấu trai và tự mình biết rõ điều đó.  B. Chàng cao kều và nhút nháy.  C. Tay chân lòng thòng như con rối xâu dây mà ở quê chàng trẻ con gọi là "ham - pen - man".  **D. Cả 3 đáp án trên**  Câu 6: "Thứ vặt vãnh" mà An-đéc-xen lượm lặt trong chuyến xe đêm là gì?  A. Cuốn sổ.  **B. Chiếc lá dư.**  C. Tem.  D. Vòng sắt móng lừa.  Câu 7: Đâu không phải từ mà tác giả đã mô tả ngoại hình của An-đéc-xen?  A. Cao kều.  B. Nhút nhát.  **C. Dũng cảm.**  D. Tay chân lòng thòng.  Câu 8: An-đéc-xen đã yêu cầu người đánh xe đối xử với các cô gái như thế nào?  A. Cho các cô gái lên xe miễn phí.  **B. Không ăn nói thô lỗ với các cô gái.**  C. Chở các cô gái đến thành phố mà ông đang sống.  D. Cả A và B đều đúng.  Câu 9: Qua đoạn trích, em nhận ra tình cảm, thái độ gì của nhà văn Pau-xtốp-xki đối với nhà văn An-đéc-xen?  **A. Trân trọng tài năng và tâm hồn bay bổng của nhà văn An-đéc-xen.**  B. Phê phán trí tưởng tượng quá đà của nhà văn An-đéc-xen.  C. Ca ngợi sự thực tế, dám nói lên sự thật của nhà văn An-đéc-xen.  D. Cả B và C đều đúng.  Câu 10: Giá trị nội dung của đoạn trích là:  **A. Truyện gửi gắm thông điệp về sức mạnh của trí tưởng tượng và ảnh hưởng của nó trong văn chương cũng như trong đời sống.**  B. Truyện phản ánh chân thật cuộc sống của người Nga trong thế kỉ XX.  C. Truyện đưa ra bài học về lòng thương người và lòng trắc ẩn.  D. Truyện ca ngợi tài năng của An-đéc-xen.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học vào thực hành.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn hs chỉ ra yếu tố trưởng tượng trong sáng tác của An-đéc-xen.

**c. Sản phẩm học tập:** Đoạn văn của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ: *Em hãy tìm đọc một truyện cổ của An-đéc-xen và chỉ ra trí tưởng tượng mà nhà văn thể hiện trong truyện đó.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức . | Hs thực hành. |

**IV. Phụ lục**

**BÀI 8: NHÀ VĂN VÀ TRANG VIẾT**

**Tiết theo PPCT: 113-114**

**VIẾT**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM (TRUYỆN)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đế, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

- HS biết sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ cho luận điểm nêu trong bài viết.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

**2. Về phẩm chất**

Chăm chỉ.

**3. Kiến thức**

Cách phân tích một tác phẩm truyện.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT;

- PHT số 1,2;

- Tranh ảnh;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ,...

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *Em hãy kể tên một tác phẩm truyện mà em yêu thích. Chia sẻ vì sao em thích tác phẩm đó?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ.  - HS suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới: | Gợi ý: Hs chia sẻ. |

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**(Tìm hiểu lý thuyết)**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu yêu cầu của kiểu bài**

**a. Mục tiêu:**

- Nhận biết yêu cầu khi phân tích một tác phẩm truyện.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh tìm hiểu về yêu cầu của kiểu bài.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Khi phân tích một tác phẩm truyện cần phải đảm bảo yêu cầu nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn.  - GV quan sát, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức: | **I. Tìm hiểu lí thuyết**  **1. Yêu cầu đối với kiểu bài**  - Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.  -Nêu được chủ đề của tác phẩm.  -Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyệnnghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...), tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm.  - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện. |

**Hoạt động 2: Đọc và phân tích bài viết tham khảo**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết cách phân tích một tác phẩm truyện.

**b. Nội dung:** Gv hướng dẫn học sinh phân tích bài viết mẫu.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của Hs, PHT.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ.  + *GV cử một HS đọc bài viết tham khảo* ***Bức tranh của em gái tôi – lời tự thú chân thành.***  *+ GV yêu cầu HS làm việc nhóm đôi theo PHT số 1 để phân tích bài viết tham khảo*   |  |  | | --- | --- | | Phần *Mở bài* của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm như thế nào? |  | | Bài viết tham khảo đã nêu nội dung chính và chủ đề của truyện là gì? |  | | Theo bài viết tham khảo, truyện có những đặc điểm nổi bật nào vẽ hình thức nghệ thuật? |  | | Trong các đặc điểm vể hình thức nghệ thuật ấy, bài viết tham khảo lựa chọn phần tích kĩ lưỡng đặc điểm nào, đặc điểm nào chỉ được nêu lên chứ không phần tích? |  | | Theo bài viết tham khảo, ý nghĩa của truyện là gì? |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn.  - GV quan sát, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu hai nhóm trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung, điều chỉnh*.*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV đánh giá, kết luận. | **I. Tìm hiểu lí thuyết**  **2. Đọc và phân tích bài viết tham khảo**  **PHT số 1**   |  |  | | --- | --- | | Phần *Mở bài* của bài viết tham khảo giới thiệu về tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm như thế nào? | Giới thiệu ngắn gọn | | Bài viết tham khảo đã nêu nội dung chính và chủ đề của truyện là gì? | Truyện kể về Kiều Phương, em gái của “tôi” một cô bé có tài hội họa thiên bẩm, điều đó làm “tôi” ghen tị và mặc cảm. Khi tham dự cuộc thi vẽ tranh, Phương đã vẽ bức tranh về anh trai mình và đạt giải nhất, “tôi” nhận ra được em gái không chỉ có tài năng mà còn có cả tâm hồn trong sáng, nhân hậu.  - Chủ đề: Ca ngợi tài năng, lòng nhân hậu, tâm hồn trong sáng của nhân vật Kiều Phương, sự ăn năn thức tỉnh của nhân vật “tôi”, từ đó đặt ra vấn đề tâm lí tuổi mới lớn, mối quan hệ ứng xử trong gia đình. | | Theo bài viết tham khảo, truyện có những đặc điểm nổi bật nào vẽ hình thức nghệ thuật? | - Nghệ thuật xây dựng nhân vật thông qua lời nói, cử chỉ, hành động và nghệ thuật thể hiện tâm lí nhân vật.  - Nghệ thuật sử dụng ngôi kể thứ nhất. | | Trong các đặc điểm vể hình thức nghệ thuật ấy, bài viết tham khảo lựa chọn phần tích kĩ lưỡng đặc điểm nào, đặc điểm nào chỉ được nêu lên chứ không phần tích? | Nghệ thuật thể hiện tâm lí nhân vật và nghệ thuật sử dụng ngôi kể thứ nhất được phân tích kĩ lưỡng. | | Theo bài viết tham khảo, ý nghĩa của truyện là gì? | Bài viết đã phân tích lời tự thú chân thành của nhân vật “tôi”, qua đó, giúp người đọc thấy được: Trong quan hệ giữa các thành viên trong gia đình, sự thấu hiểu, yêu thương, gắn bó là điều quan trọng nhất. | |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**(Thực hành viết theo các bước)**

- HS viết được bài văn phân tích một tác phẩm truyện: nêu được chủ đế, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm, nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.

- HS biết sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ cho luận điểm nêu trong bài viết.

**a. Mục tiêu**

**b. Nội dung:** Giáo viên hướng dẫn học sinh viết bài.

**c. Sản phẩm học tập:** Sản phẩm PHT, câu trả lời của học sinh.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu các bước trước khi viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Xác định mục đích viết, người đọc?*  *+ Em dự định lựa chọn nhân vật nào?*  *+ Hướng dẫn Hs tìm ý cho bài viết theo PHT số 2.*   |  |  | | --- | --- | | Nội dung của truyện là gì? |  | | Nội dung ấy được thể hiện như thế nào qua hệ thống nhân vật, sự kiện? |  | | Chủ đề của truyện là gì? |  | | Đặc điểm nổi bật về hình thức nghệ thuật? |  | | Ý nghĩa của truyện? |  |   *+ Hs thực hiện lập dàn ý theo PHT số 3*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Nhiệm vụ** | | **Biểu hiện cụ thể trong đề tài của em** | | Mở bài | Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm (nhan đề, tác giả), nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. |  | | Thân bài | Nêu nội dung chính của tác phẩm |  | |  | Nêu chủ đề của tác phẩm. |  | |  | Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. |  | | Kết bài | Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác |  |   - Học sinh tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời  - GV quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét  **NV 2: Hướng dẫn học viết bài**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ  *+ Gv phát / trình chiếu bảng kiểm, hs dựa vào dàn ý, viết một bài văn hoàn chỉnh.*  +  *Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh)*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông.  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét.  **NV3: Hướng dẫn học sinh chỉnh sửa bài viết**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV chuyển giao nhiệm vụ.  *+ Dùng bảng kiểm để tự đánh giá bài thơ của mình, sau đó dùng bảng kiểm đánh giá đồng đẳng (bạn bên cạnh).*  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, lắng nghe và trả lời.  - GV quan sát, hỗ trợ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Gv tổ chức hoạt đông.  - HS báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - Gv bổ sung, nhận xét. | **III. Thực hành viết theo các bước**  **1. Trước khi viết**  - Mục đích viết: Phân tích để làm rõ một số nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, thuyết phục người đọc đồng tình với ý kiến của em về tác phẩm đó.  - Người đọc: Những người quan tâm đến thể loại truyện hoặc có nhu cầu tìm hiểu về tác phẩm truyện được phân tích.  **a. Lựa chọn đề tài**  **Gợi ý:**  - Vẻ đẹp của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa;*  - Sức hấp dẫn của đoạn trích *Đi lấy mật* (trích *Đất rừng phương Nam* của Đoàn Giỏi),...  **b. Tìm ý** (PHT số 2)  **c. Lập dàn ý** (PHT số 3)  **2. Viết bài**  - Dựa vào dàn ý, triển khai bài viết theo hệ thống luận điểm đã xây dựng. Xác định rõ mục đích viết bài văn phân tích tác phẩm truyện để không viết theo lối kể chuyện hay nêu cầm nghĩ về câu chuyện đã đọc.  - Mỗi luận điểm cần được làm sáng tỏ bằng các lí lẽ, bằng chứng. Khi phân tích, cần bám sát sự kiện, nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,... Chú ý phân tích có diện, có điểm, lựa chọn được các yếu tố đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm để đi sâu khai thác.  **3. Chỉnh sửa bài viết**  Với bài viết phân tích tác phẩm truyện, cần tập trung vào một số vấn đề sau: .  - Giới thiệu được tác giả, tác phẩm và nêu được ý kiến khái quát về tác phẩm, nếu chưa thì bổ sung.  - Nêu được nội dung chính và chủ đề của truyện. Nếu chưa nêu được hoặc nêu chưa rõ, chưa chính xác thì bổ sung, chỉnh sửa.  - Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. Nếu có yếu tố nghệ thuật cần được làm nổi bật hơn nữa thì tập trung phân tích sâu yếu tố đó để không rơi vào tình trạng phân tích dàn trải.  . |

**D. HOẠT ĐỘNG TRẢ BÀI**

**a. Mục tiêu**

- Khắc sâu yêu cầu của kiểu bài.

- Rút kinh nghiệm khi viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện.

**b. Nội dung:** Giáo viên trả bài.

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của học sinh, bài làm của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *1) GV trả bài, gọi vài HS nhắc lại yêu cầu chung của kiểu bài viết bài văn phân tích một tác phẩm truyện*  *2) GV trình chiếu các yêu cầu của kiểu bài để HS đối chiếu với bài viết của bản thân, tự phát hiện ưu nhược điểm trong bài viết của mình.*  *3) GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, minh họa bằng một số ví dụ cụ thể (không nêu tên HS có bài viết được phân tích), rút kinh nghiệm chung cho cả lớp.*  *4) Yêu cầu HS dựa vào hướng dẫn Chỉnh sửa bài viết trong SHS và các ý kiến nhận xét cụ thể của GV trong bài để rút kinh nghiệm và chỉnh sửa. Khuyến khích HS về nhà viết lại một bản mới với chính đề tài này.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS quan sát, trao đổi với bạn cùng bàn.  - GV quan sát, gợi mở.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **- Gv tổ chức hoạt động**  - HS trình bày câu trả lời, nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **III. Hoạt động trả bài**  **1. Nhắc lại, khắc sâu yêu cầu của kiểu bài**  - Giới thiệu tác phẩm truyện (nhan đề, tác giả) và nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  - Nêu ngắn gọn nội dung chính của tác phẩm.  -Nêu được chủ đề của tác phẩm  -Chỉ ra và phân tích được tác dụng của một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (như cốt truyệnnghệ thuật xây dựng nhân vật, ngôi kể, ngôn ngữ,...), tập trung vào một số yếu tố nghệ thuật nổi bật nhất của tác phẩm.  - Sử dụng các bằng chứng từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết. Nêu được ý nghĩa, giá trị của tác phẩm truyện.  **2. Nhận xét về kết quả và chỉnh sửa bài viết**  - Nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở các bài viết của HS, chọn phân tích một số bài viết thuộc các mức độ khác nhau để HS rút ra những kinh nghiệm cần thiết.  - Trả bài cho HS. HS sửa chữa theo hướng dẫn trong SHS và theo những điều GV đã phân tích, bổ sung. |

**IV. Phụ lục**

**BẢNG KIỂM**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Nội dung** | **Mở bài** | Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm ( nhan đề, tác giả) |  |  |
| Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm. |  |  |
| **Thân bài** | Nêu nội dung chính của tác phẩm. |  |  |
| Nêu chủ đề của tác phẩm. |  |  |
| Chỉ ra và phân tích một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định ý nghĩa, giá trị của tác phẩm. |  |  |
| **Hình thức** | | Đảm bảo bố cục ba phần. |  |  |
| Giữa các phần có sự liên kết chặt chẽ. |  |  |
| Đảm bảo đúng chính tả, ngữ pháp. |  |  |

**Tiết theo PPCT: 115**

**NÓI VÀ NGHE**

**TRÌNH BÀY Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI (VĂN HỌC TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN NAY)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù**

- HS trình bày được ý kiến về vấn đề văn học trong đời sống hiện nay.

- HS biết trao đổi, tương tác trong vai trò người nói và người nghe một cách hợp lí, biết cách bảo vệ ý kiến của bản thân và tôn trọng sự khác biệt.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết.

**2. Phẩm chất**

Chăm chỉ, có ý thức xây dựng lối sống tích cực và hoàn thiện bản thân.

**3. Kiến thức**

Cách trình bày ý kiến về vấn đề văn học trong đời sống hiện nay.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT;

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Hãy chia sẻ với bạn bè về tác động của văn học đối với bản thân em.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs khác nhận xét, bổ sung, phản biện câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài: Có rất nhiều yếu tố tác động đến suy nghĩ, nhận thức của con người, trong đó không thể không nhắc đến văn học. Tiết học hôm nay chúng ta sẽ trình bày về một vấn đề xã hội (văn học trong đời sống hiện nay). | Gợi ý:  + Trưởng thành hơn, cẩn trọng hơn, không còn kiêu căng, ngạo mạn, bắt nạt người khác khi học “Dế Mèn phiêu lưu kí”  + Biết yêu thương mẹ hơn, có trách nhiệm với bản thân, gia đình,...khi học bài Trong lời mẹ hát,...  +... |

**HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Trước khi thảo luận**

**a. Mục tiêu:**

- Xác định được mục đích nói, người nghe.

- Chuẩn bị được nội dung bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ  *+ Em hãy xác định mục đích nói và người nghe*  *+ Nội dung nói của tiết học hôm nay là gì?*  *+ Gv hướng dẫn Hs thu thập tài liệu*  *+ Học tìm ý theo PHT số 1*   |  |  | | --- | --- | | Văn học có còn quan trọng trong đời sống hiện nay không? |  | | Trước sự phổ biến của các phương tiện nghe nhìn, văn học có gặp phải thách thức gì không? |  | | Văn học đem đến cho người đọc nhận thức gì về đời sống, xã hội, con người? |  | | Văn học khiến con người có thái độ ra sao trước cái đúng, cái sai, cái tốt, cái xấu? |  | | Vì sao có thể nói văn học có khả năng đánh thức những rung cảm trước cái đẹp của con người?... |  |   *+ Từ phần tìm ý, Hs xây dựng dàn ý cho bài nói.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **I. Trước khi nói**  **a. Xác định mục đích nói và người nghe**  - Mục đích nói: Thuyết phục người nghe đồng tình với ý kiến của em về vai trò của văn học trong đời sống hiện nay.  - Người nghe: Những người yêu thích văn học, có nhu cầu tìm hiểu vai trò của văn học trong đời sống.  **b. Xác định nội dung nói:** văn học trong đời sống hiện nay.  **c. Chuẩn bị nội dung nói**  - Thu thập tư liệu: Tìm kiếm các tư liệu về vai trò, vị trí của văn học; cơ hội và thách thức của văn học trong đời sống hiện nay..  - Tìm ý: (PHT số 1)  - Xây dựng dàn ý bài nói:  + Xác định luận điểm.  + Sử dụng các lí lẽ.  + Bằng chứng làm sáng tỏ các vấn đề.  - Dự kiến các ý kiến phản biện của người nghe để chuẩn bị trao đổi, đối thoại. |

**Hoạt động 2: Trình bày bài nói**

**a. Mục tiêu:**

- HS trình bày được ý kiến về vấn đề văn học trong đời sống hiện nay.

- HS biết trao đổi, tương tác trong vai trò người nói và người nghe một cách hợp lí, biết cách bảo vệ ý kiến của bản thân và tôn trọng sự khác biệt.

**b. Nội dung:** Hs trình bày bài nói.

**c. Sản phẩm học tập:** Nội dung nói của Hs.

**d. Tổ chức thực hiện**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *+ Gv gọi Hs trình bày bài nói*  *+ Gv phát/chiếu bảng kiểm để hs định hướng nội dung trình bày*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs báo cáo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **II. Trình bày bài nói**  Trình bày bài nói theo nội dung đã chuẩn bị:  - Nêu vấn đề, khẳng định tầm quan trọng của văn học đối với đời sống và những thách thức đặt ra cho văn học trong bối cảnh hiện nay.  - Trình bày các luận điểm triển khai vấn đề (có thể xác định luận điểm dựa vào vai trò, vị trí của văn học, những thách thức đối với văn học trong đời sống hiện nay....).  - Dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  - Điều chỉnh giọng nói, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt,... phù hợp với nội dung nói; có thể kết hợp các phương tiện hỗ trợ (tranh, ảnh, đoạn phim ngắn....) để phần trình bày thêm sinh động. |

**Hoạt động 3: Đánh giá về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  *GV hướng dẫn Hs đánh giá cuộc thảo luận thông qua bảng kiểm.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs báo cáo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **III. Đánh giá** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Hs giới thiệu về một cuốn sách.

**c. Sản phẩm học tập:** Bài viết, video.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: *Hs quay video lại bài trình bày của bản thân theo nhận xét, góp ý.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở.  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs báo cáo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | Hs thực hành. |

**IV. Phụ lục**

**Bảng kiểm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | | ***Đạt*** | ***Chưa đạt*** |
| Mở đầu | Có lời chào ban đầu và giới thiệu. |  |  |
| Giới thiệu rõ vấn đề của bài nói. |  |  |
| Nội dung chính | Chỉ ra được vai trò, vị trí của văn học. |  |  |
| Chỉ ra được những thách thức đối với văn học trong đời sống hiện nay. |  |  |
| Dùng lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. |  |  |
| Kết thúc | Khẳng định được vấn đề của bài nói. |  |  |
| Kỹ năng trình bày | Diễn đạt rõ ràng, tự tin, đáp ứng yêu cầu bài nói. |  |  |
| Có sự kết hợp các phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ bài nói. |  |  |
| Có phản hồi thỏa đáng những câu hỏi, ý kiến của người nghe. |  |  |

**CỦNG CỐ, MỞ RỘNG; THỰC HÀNH ĐỌC**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

**a. Năng lực đặc thù** (năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học)

- Củng cố tri thức về văn bản nghị luận văn học.

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học.

- Hs biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học qua văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành đọc.

- HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đọc chính trong bài 8.

**b. Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động, tích cực thực hiện những công việc của bản thân trong học tập;

- Năng lực giao tiếp, hợp tác: biết phối hợp với bạn cùng bàn, bạn trong nhóm; đánh giá được khả năng của mình và tự nhận công việc phù hợp với bản thân; biết bày tỏ ý kiến riêng; biết hỗ trợ bạn khi cần thiết;

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết phát hiện và có hướng ứng xử phù hợp với một vấn đề nảy sinh trong tình huống thực tiễn.

**2. Về phẩm chất**

Yêu văn chương, trân trọng lao động sáng tạo nghệ thuật của nhà văn, nhà thơ; tôn trọng và có ý thức học hỏi cách tiếp nhận văn bản văn học của người khác.

**3. Kiến thức**

- Đặc điểm văn bản nghị luận văn học.

- Khái quát các văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

- KHBD, SGK, SGV, SBT.

- PHT số 1,2.

- Tranh ảnh.

- Máy tính, máy chiếu, bảng phụ, Bút dạ, Giấy A0.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1: MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. Dẫn dắt vào bài mới.

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời bằng ngôn ngữ nói của HS.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm GV: Em hãy kể tên và nêu đặc điểm của các yếu tố trong bài nghị luận văn học.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, hỗ trợ.  - HS suy nghĩ, trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS đọc, trình bày câu trả lời.  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức, đẫn dắt vô bài mới. | Gợi ý:  - Luận đề.  - Luận điểm.  - Lí lẽ.  - Bằng chứng. |

**HOẠT ĐỘNG 2: CỦNG CỐ, MỞ RỘNG**

**a. Mục tiêu:**

- Củng cố tri thức về văn bản nghị luận văn học.

- Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu văn bản nghị luận văn học.

- Hs biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học qua văn bản 1 và văn bản 2 để thực hành đọc

- HS chia sẻ được với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB đọc chính trong bài 8.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Câu 1:  Kẻ bảng vào vở theo mẫu sau và điền thông tin phù hợp:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | | Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam |  | Luận điểm 1:  Luận điểm 2:  … | | Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa |  | Luận điểm 1:  Luận điểm 2:  … |   Câu 2: Từ hai văn bản Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam và Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa, hãy rút ra đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận văn học.  Câu 3: Chỉ ra sự tương đồng và khác biệt giữa văn bản nghị luận xã hội và văn bản nghị luận văn học.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Văn bản nghị luận xã hội | Văn bản nghị luận văn học | | Điểm tương đồng |  | | | Điểm khác biệt |  |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs báo cáo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **I. Củng cố, mở rộng**  **Câu 1:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Văn bản** | **Luận đề** | **Luận điểm** | | Nhà thơ của quê hương làng cảnh Việt Nam. | Văn bản bàn luận về Nguyễn Khuyến và ba bài thơ thu của ông bao gồm Thu điếu, Thu ẩm và Thu vịnh. | Luận điểm 1: Thu điếu: hay và điển hình nhất cho mùa thu Việt Nam trong ba bài:  Luận điểm 2: Thu ẩm: tổng hợp nhiều thời điểm, khái niệm, khái quát về cảnh thu.  Luận điểm 3: Thu vịnh: mang cái hồn của cảnh vật mùa thu hơn cả, mang cái thần của cảnh mùa thu. | | Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa | Luận đề của văn bản Đọc văn – cuộc chơi tìm ý nghĩa là quá trình đi tìm ý nghĩa của văn bản thông qua hoạt động đọc. | Luận điểm 1: Văn học có một đặc điểm quan trọng là mang chứa ý nghĩa tiềm ẩn.  Luận điểm 2: Có nhiều phương pháp khác nhau để nắm bắt ý nghĩa văn bản.  Luận điểm 3: Ý nghĩa của văn bản có mối liên hệ mật thiết với cuộc đời.  Luận điểm 4: Thưởng thức văn học cũng cần tuân theo quy luật để không làm phương hại tới tính toàn vẹn của tác phẩm.  Luận điểm 5: Tác phẩm văn học và đọc văn là một hiện tượng diệu kỳ.  Luận điểm 6: Đọc văn là nền tảng của học văn. |   **Câu 2:** Đặc điểm cơ bản của văn bản nghị luận văn học: Đều dùng lý lẽ để đánh giá, phân tích, bàn bạc về vấn đề thuộc lĩnh vực văn học để khám phá thế giới nội tâm của tác giả, đồng thời tìm ra những giá trị thuyết phục người khác nghe theo quan điểm, ý kiến cá nhân của mình.  **Câu 3:**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Văn bản nghị luận xã hội** | **Văn bản nghị luận văn học** | | Điểm tương đồng | - Thuộc thể văn nghị luận, viết nhằm thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết.  - Có yếu tố cơ bản là ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Lí lẽ và bằng chứng cần thuyết phục, làm sáng tỏ ý kiến; cần được sắp xếp theo trình tự hợp lí. | | | Điểm khác biệt | - Đề tài về lĩnh vực đời sống: hiện tượng đời sống, tư tưởng đạo lí  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng xoay quanh vấn đề đời sống. Lí lẽ là những kiến giải của người viết về vấn đề đời sống. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu,.. từ đời sống. | - Đề tài về văn học: là một khía cạnh về nội dung và hình thức của  tác phẩm văn học.  - Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng xoay quanh các tác phẩm văn học cần phân tích. Lí lẽ là những phân tích, lý giải về tác phẩm. Bằng chứng là những từ ngữ, chi tiết, trích dẫn,..từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ. |   **Câu 4:**  Mỗi người đọc với sự khác biệt về lứa tuổi, nhận thức, trải nghiệm,… sẽ có những cách cảm nhận, đánh giá khác nhau về tác phẩm văn học. Nếu bạn đã từng đọc một tác phẩm trên hai lần, chắc hẳn, lần sau sẽ có những cảm nhận về tác phẩm khác hơn so với lần đọc trước. Lý do là bởi khi đó nhận thức và trải nghiệm của chúng ta đã có sự tích lũy tăng dần, góc nhìn cuộc sống và quan niệm và thế giới ít nhiều đã biến chuyển. Một bạn học sinh tiểu học khi đọc Dế Mèn phiêu lưu ký có thể sẽ thích thú với thế giới loài vật trong truyện và chưa suy ngẫm nhiều về các bài học nhân sinh cũng như góc nhìn đời sống. Nhưng khi câu chuyện được đọc và cảm bởi một học sinh trung học phổ thông thì cách nhìn nhận và đánh giá lại khác đi. Vẫn thấy được thế giới loài vật sống động, nhưng lúc này, bạn học sinh lớn kia đã có đủ nhận thức và trải nghiệm để suy tư về những bài học trên hành trình trưởng thành của Dế Mèn, từ đó đúc rút kinh nghiệm cho chính bản thân mình. Tất cả những điều ấy khiến chúng ta phải thốt lên: Ôi, văn học mới kỳ diệu làm sao! Chỉ thông qua một tác phẩm thôi mà chúng ta đã cảm nhận và học hỏi được thêm bao nhiêu là điều, thế giới của mỗi tác phẩm dường như mở ra không giới hạn để người đọc thỏa sức khám phá và liên hệ với chính cuộc đời mình. |

**HOẠT ĐỘNG 3: THỰC HÀNH ĐỌC**

**a. Mục tiêu:**

- Hiểu thêm về chủ điểm 7.

- Củng cố tri thức về thơ.

**b. Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm học tập:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ: Em hãy đọc văn bản và trả lời các câu hỏi.  *+ Xác định luận đề của văn bản*  *+ Tác giả đã triển khai những luận đề đó bằng những luận điểm nào?*  *+ Nhận xét về cách nêu lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.*  *+ Em hãy chỉ ra những bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan của người viết.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - Gv quan sát, lắng nghe gợi mở  - HS thực hiện nhiệm vụ;  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  **-** Gv tổ chức hoạt động.  - Hs báo cáo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung | **II. Thực hành đọc**  1. Luận đề của văn bản  Chi tiết nắng mới trong bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư.  2. Các luận điểm triển khai luận đề.  - Nắng mới đã hội tụ được những vẻ đẹp nơi tâm hồn thơ Lưu Trọng Lư: thành thực phiêu lưu trong cõi mộng, cứ để lòng mình tràn lan trên mặt giấy.  - Hai chữ "nắng mới" vừa ghi nhận một thời điểm đặc biệt trên dòng chảy thời gian vừa diễn tả không gian.  - Mẹ là tâm điểm của nỗi nhớ về tuổi thơ trong nắng mới, là nét son trong "những ngày không" đi suốt cuộc đời với nhà thơ.  3. Cách nêu lí lẽ, bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm.  - Bài chia làm các luận điểm cụ thể, lí lẽ, dẫn chứng đầy đủ giúp người đọc dễ dàng theo dõi.  - Ở mỗi luận điểm, tác giả đều trích dẫn các câu thơ cụ thể và phân tích cúng nhằm làm sáng tỏ luận điểm. Trong mỗi bài luận điểm đều để ý phân tích các chi tiết, hình ảnh, giọng điệu của bài thơ.  - Có so sánh, liên hệ, mở rộng với tác giả khác viết về cùng đề tài để nhấn mạnh giá trị của tác phẩm.  4. Bằng chứng khách quan và ý kiến đánh giá chủ quan của người viết.  Đoạn văn "Ai từng ở ...ngoài nội". Ở đoạn trích đã phân tích chi tiết khổ thơ "Mỗi lần...những ngày không" làm nổi bật được cái tĩnh lặng của làng quê vào buổi trưa, cái nhịp điệu nhẹ nhàng qua việc phân tích từ ngữ, giọng điệu thơ. Đoạn văn này cũng có sự so sánh, mở rộng với các tác phẩm khác giúp bài phân tích trở nên sinh động, thú vị hơn. |